

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỂN HÒA**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG
NGÀNH : KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương

Mã SV : 1613401006

Lớp : QTL 1001

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hòa.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận , thực tiễn , các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Những vấn đề chung về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .
- Mô tả, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thực trạng hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hòa năm 2016 .
- Kiến nghị, phương hướng , giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hòa .

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế , đánh giá

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty TNHH Hiền Hòa trong năm 2016.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiền Hòa.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH Hiền Hòa .
-

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 05 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1 Tinh thần và thái độ của sinh viên trong quá trình làm luận án tốt nghiệp

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2 Đánh giá chất lượng của khóa luận(so với yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ luận án tốt nghiệp trên các mặt lí luận, thực tiễn, tính toán số liệu).

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3 Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2018

Cán bộ hướng dẫn

LỜI MỞ ĐẦU

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh những hàng hóa dịch vụ giữa các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam ra nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này đem lại nhiều cơ hội cũng như thử thách lớn cho các doanh nghiệp. Do đó mỗi doanh nghiệp cần có những biện pháp phát huy tiềm năng của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Bởi vậy, hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại nói riêng luôn đạt ra với mục đích nhằm tổ chức khoa học, hợp lí làm cơ sở cho các thông tin kế toán cung cấp đảm bảo tính đúng đắn và đáng tin cậy. Xuất phát từ tầm quan trọng của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cùng với vận dụng lí luận đã học tại trường kết hợp thực tế tại công ty TNHH Hiền Hòa, đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của Thạc sĩ Phạm Thị Nga cùng với cán bộ nhân viên trong công ty em chọn đề tài “ ***Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hòa*** ” làm khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung của khóa luận tốt nghiệp của em kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1 : Những vấn đề lí luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn hiền hòa.

Chương 3 : Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn hiền hòa

Với thời gian thực tập tại công ty TNHH Hiền Hòa chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng. Em hy vọng những ý kiến trong bài viết sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2018

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	1
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	1
1.1.2. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	1
1.1.3. Những khái niệm thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.1.3.1. Doanh thu và phân loại doanh thu.	2
1.1.3.2. Chi phí và phân loại chi phí.	4
1.1.3.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	5
1.1.4. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	6
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp.....	6
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng , cung cấp dịch vụ.	6
1.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	12
1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán 14	14
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 17	17
1.2.5 Kế toán chi phí tài chính..... 20	20
1.2.6 Kế toán chi phí khác 22	22
1.2.7 Kế toán thu nhập khác doanh nghiệp..... 24	24
1.2.8 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp..... 25	25
1.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 27	27
1.4 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán	29
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung 29	29
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ..... 31	31
1.4.3 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ ghi sổ 32	32

1.4.5 Hình thức chứng từ ghi sổ	33
1.4.6 Hình thức kế toán máy.....	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HIỀN HÒA.....	35
2.1 Tổng quan về công ty TNHH Hiền Hòa.....	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	35
2.1.2. Chức năng, ngành nghề kinh doanh.....	36
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	36
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	37
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hòa	40
2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập.	40
2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu của công ty.....	40
2.2.1.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng	40
2.2.1.3. Phương pháp hạch toán	41
2.2.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	52
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính.	57
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	65
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HIỀN HÒA.....	78
3.1.Nhận xét chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hoà.	78
3.1.1. Những ưu điểm.....	78
3.1.2. Một số mặt hạn chế.....	80
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hòa	81
3.2.1.Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	81
3.2.2 Yêu cầu của việc hoàn thiện	81
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	82
KẾT LUẬN.....	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DN	Doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
KC	Kết chuyển
PP	Phương pháp
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
VNĐ	Việt Nam đồng

CHƯƠNG 1

NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Vì vậy việc xác định đúng kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp cho các kỳ tiếp theo.

+ Số liệu kế toán càng chính xác, chi tiết, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra các quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

+ Việc xác định tính trung thực hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt là các nhà đầu tư.

Do đó hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Vì vậy mà việc tập hợp chi phí, doanh thu xác định các chỉ tiêu lãi lỗ để phản ánh đúng đắn tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là rất cần thiết.

Xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để Ban giám đốc doanh nghiệp có sự phân tích, đánh giá đúng về tình hình kinh doanh từ đó khắc phục những tồn tại, phát huy những ưu điểm và đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, hợp lý và hiệu quả, là cơ sở để tìm các nguồn tạo ra doanh thu và cắt giảm chi phí không hiệu quả nhằm mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó thông qua việc hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đưa ra những báo cáo kế toán, cung cấp thông tin cho những nhà

đầu tư giúp họ quyết định việc có nên hay không nên đầu tư vào doanh nghiệp, lựa chọn doanh nghiệp nào để đầu tư có lợi nhất.

Đối với Nhà nước thì xác định đúng chỉ tiêu lợi nhuận là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện các khoản nộp nghĩa vụ cho Nhà nước như: Thuế, phí, lệ phí.... Đây là nguồn thu quan trọng của Ngân sách nhà nước để thực hiện các khoản chi Ngân sách.

Tất cả những điều trên đã làm cho kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng. Nó ảnh hưởng đến chiến lược phát triển kinh doanh của doanh nghiệp, mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.3. Những khái niệm thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1. Doanh thu và phân loại doanh thu.

+ Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán số 14 Doanh thu và thu nhập khác).

+ Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (Nếu có).

- *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ *Chiết khấu thương mại*: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết của doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

+ *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp bên bán giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

+ *Giá trị hàng bán bị trả lại*: Là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

- *Doanh thu hoạt động tài chính* : Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Thu nhập khác* : Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

+ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

+ Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.

+ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;

+ Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).

+ Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.

+ Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).

+ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;

+ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);

+ Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

+ Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.

- ***Các khoản thuế làm giảm doanh thu*** :

Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

++ *Thuế TTĐB* : là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: bia, rượu, thuốc lá, vàng mã..

++ *Thuế xuất khẩu*: Là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

++ *Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp*: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.3.2. Chi phí và phân loại chi phí.

- Chi phí: Là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

- Phân loại chi phí

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

+ *Giá vốn hàng bán*: là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ *Chi phí bán hàng*: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu phục vụ bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ và đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho công tác bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

+ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thuế, phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

+ *Chi phí hoạt động tài chính*: phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

+ *Chi phí khác*: Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế...

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*:

++ Thuế TNDN là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

++ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

1.1.3.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản :

+ *Hoạt động sản xuất kinh doanh*: là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

+ *Hoạt động tài chính*: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

+ *Hoạt động khác* : là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

+ *Lãi sau thuế* : là phần còn lại sau khi trừ loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$Lãi\ sau\ thuế = thu\ nhập\ chịu\ thuế - thuế\ thu\ nhập\ doanh\ nghiệp.$$

Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

<i>Kết quả</i>	<i>Doanh thu thuần về</i>	<i>Gía vốn</i>	<i>Chi phí</i>	<i>Chiphí</i>
<i>hoạt động</i>	<i>= bán hàng cung cấp</i>	<i>bán</i>	<i>- bán</i>	<i>- quản lí</i>
<i>sản xuất</i>	<i>dịch vụ</i>	<i>hàng</i>	<i>hàng</i>	<i>doanh nghiệp</i>
<i>kinh doanh</i>				

Trong đó :

<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Doanh thu</i>	<i>Các khoản giảm trừ</i>
<i>về bán hàng và</i>	<i>= bán hàng và</i>	<i>- doanh thu</i>
<i>cung cấp dịch vụ</i>	<i>cung cấp dịch vụ</i>	

1.1.4. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: Số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị....

+ Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

+ Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ cho công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

+ Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đúng hạn và đầy đủ.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng , cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại.

Các hàng hóa đem biếu tặng, cho hoặc tiêu dùng ngay trong nội bộ, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa , làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

Hiểu theo một nghĩa khác thì doanh thu bán hàng của doanh nghiệp là bao gồm toàn bộ số tiền đã thu được hoặc có quyền đòi về do việc bán hàng hóa trong một thời gian nhất định.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng.

1. Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

2. Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

3. Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế; Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn vị đã có quyền đối với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả, ví dụ: Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác, đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý đều được coi là đã thực hiện.

4. Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba, ví dụ:

- Các loại thuế gián thu (thuế GTGT, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường) phải nộp;
- Số tiền người bán hàng đại lý thu hộ bên chủ hàng do bán hàng đại lý;
- Các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán đơn vị không được hưởng.
- Các trường hợp khác.

5. Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

6. Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có)
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán(Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công .
- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Đối với doanh nghiệp thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của nhà nước, được nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền đã nhận được chia cho số kỳ nhận tiền trước.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hóa đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan khác.

Tài khoản sử dụng: TK511 - “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

- Tài khoản 511 bao gồm 4 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 5111:* Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực ...

+ *Tài khoản 5112:* Doanh thu bán các thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dành cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp ...

+ *Tài khoản 5113:* Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán .

+ *Tài khoản 5118:* Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp trợ giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

Kết cấu của TK511:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại cuối kỳ.
- Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh

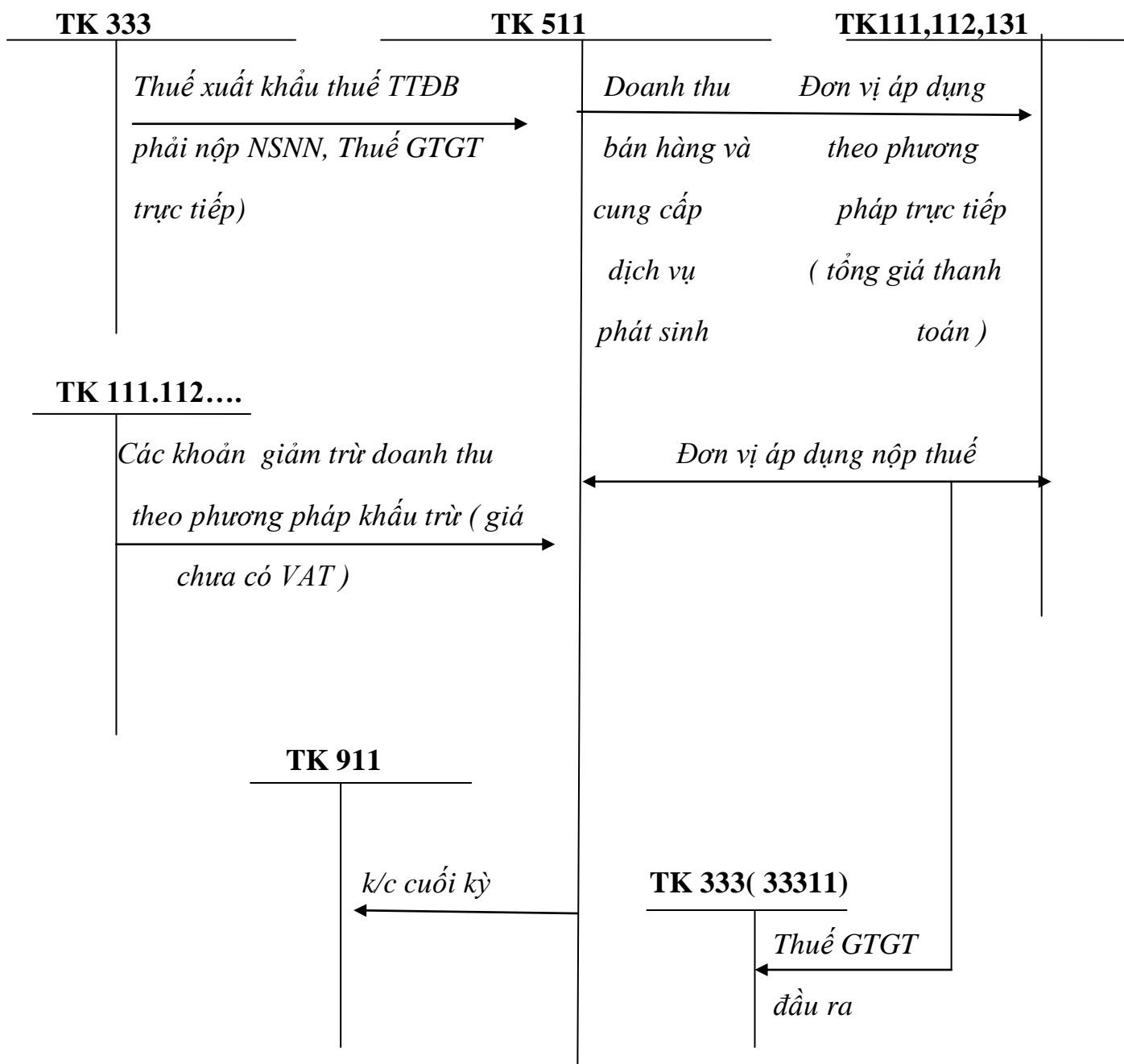
Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK511 không có số dư cuối kỳ.

***Kết cấu TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

****Kết cấu TK 511:*** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu , phiếu chi
- Giấy báo Nợ , giấy báo Có
- Các chứng từ liên quan khác .

Tài khoản sử dụng : TK 515 – “ Doanh thu hoạt động tài chính ”

Nguyên tắc ghi nhận

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

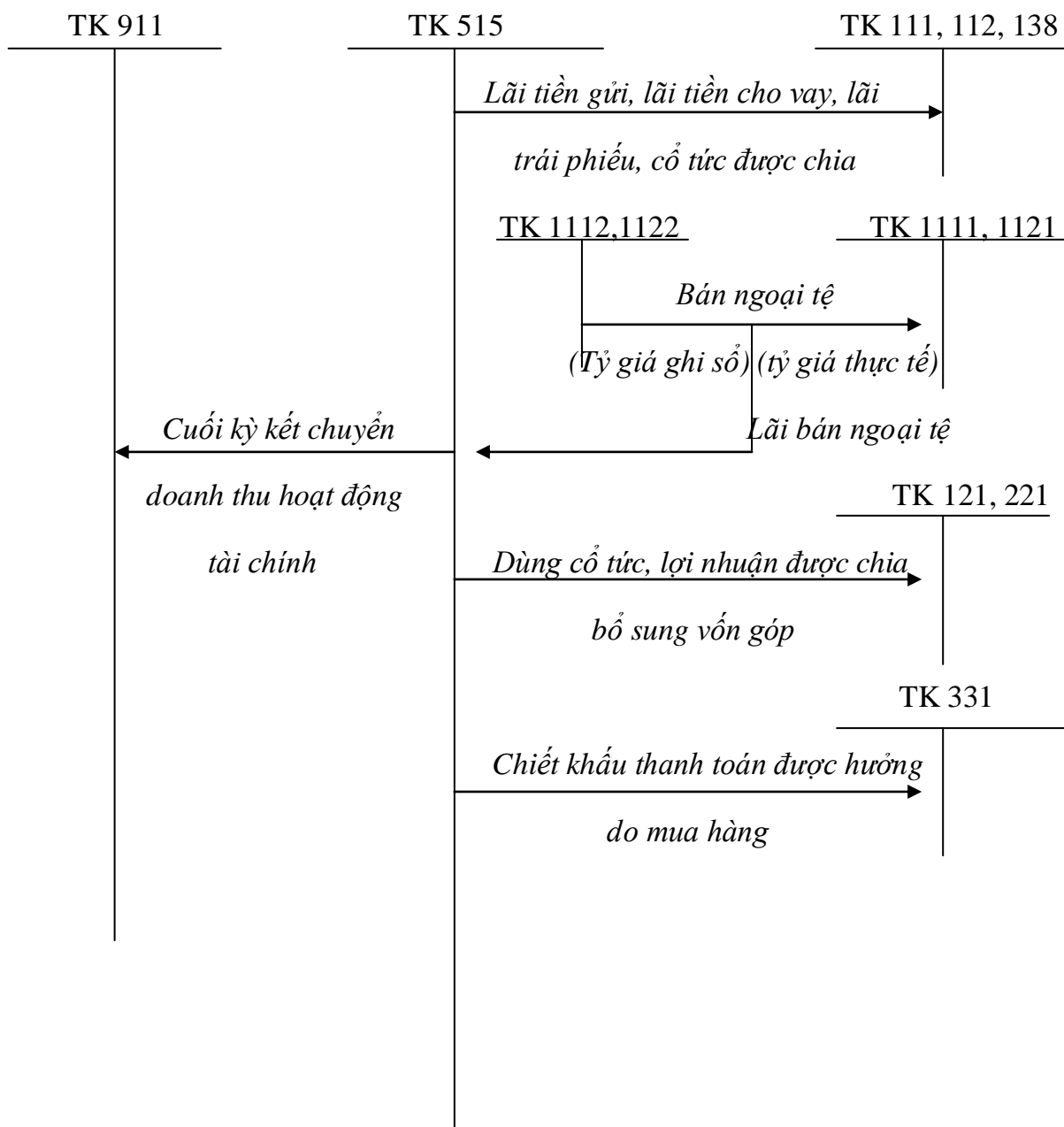
- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 515

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có: Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.



Sơ đồ 1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Phương pháp tính trị giá xuất kho :

+ *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

Trị giá HH tồn đầu kì + trị giá HH nhập trong kì

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá HH tồn đầu kì + trị giá HH nhập trong kì}}{\text{Số lượng HH tồn đầu kì + số lượng HH nhập trong kì}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

Trị giá thực tế HH tồn kho sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng GBC, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên, nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng xuất ít.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):* Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kì hoặc gần cuối

kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kì còn tồn kho.

+ *Phương pháp giá thực tế đích danh:* theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tối nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế

toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ liên quan khác

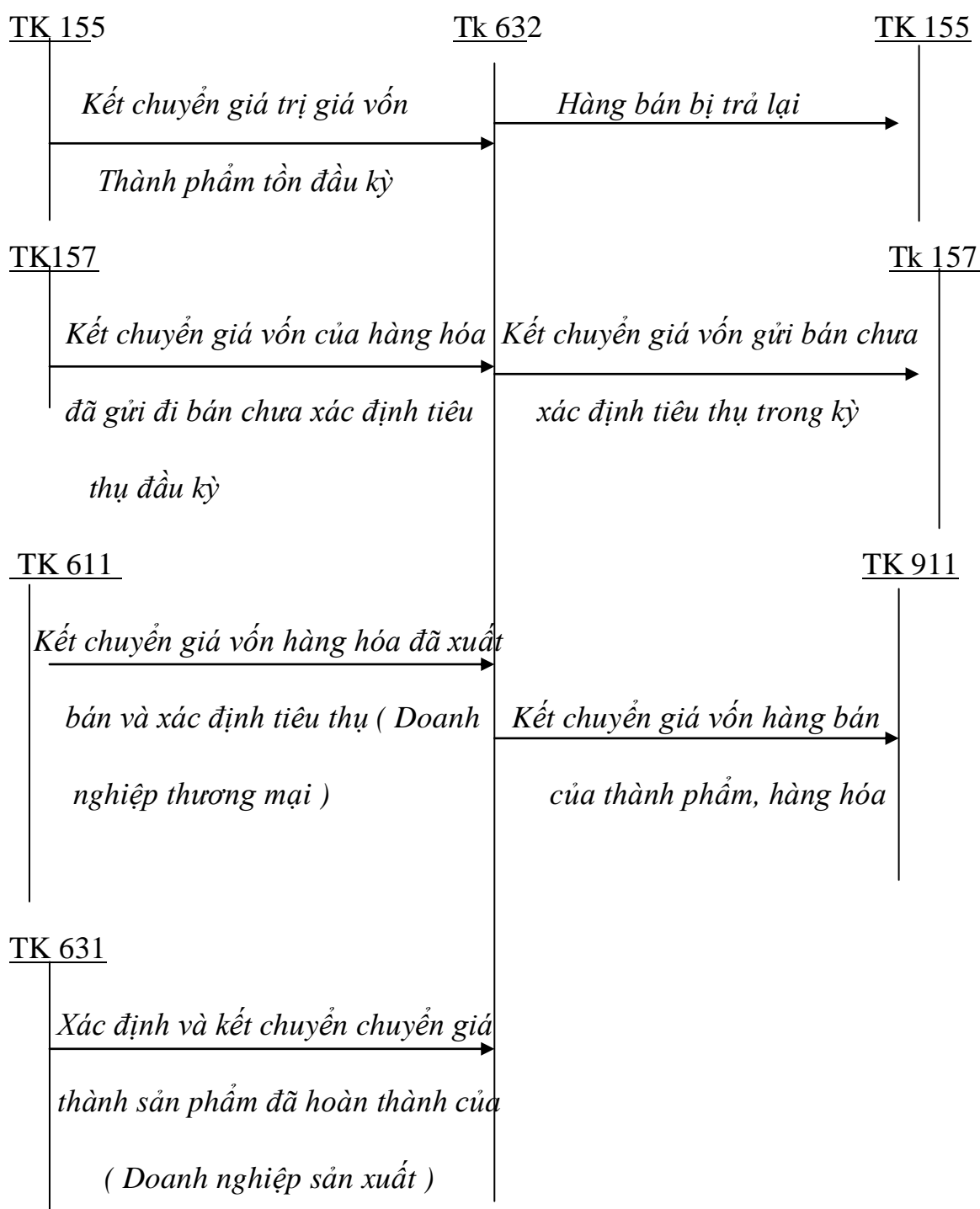
Tài khoản sử dụng : TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

Giá vốn hàng đã bán	Hoàn nhập khoản dự phòng
Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho	Kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.3 : Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh :

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển... Riêng đối với hoạt động xây lắp, chi phí bán hàng liên quan tới hoạt động xây lắp có thể được phân bổ để tính giá thành toàn bộ xây lắp công trình (Đặc biệt trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp kinh doanh xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc để bán).

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm các chi phí quản lý chung của công ty bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng thanh toán lương
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng : TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”

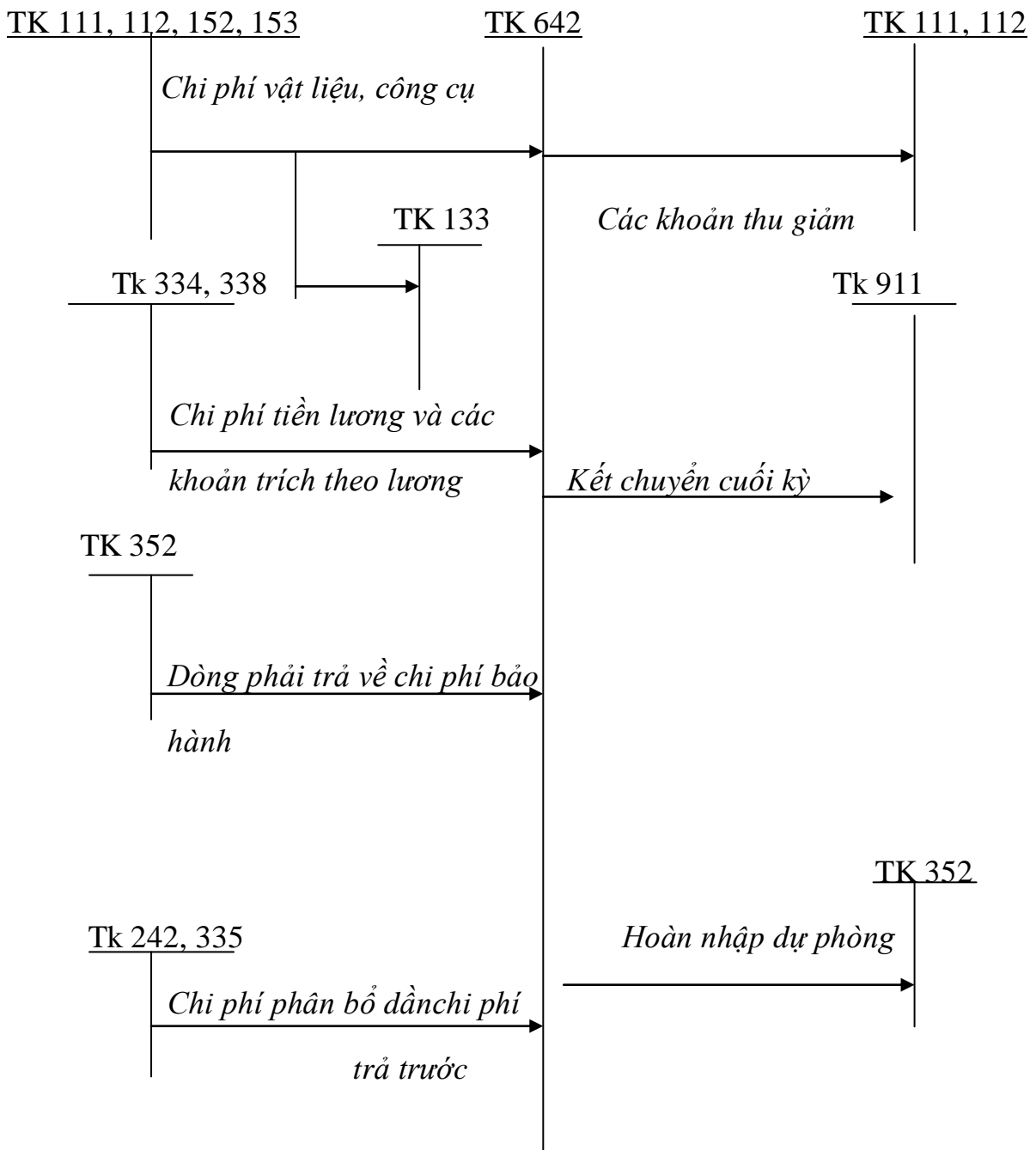
Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng*: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
- *Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý kinh doanh*: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh ”

Tập hợp chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ	Các khoản giảm trừ chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong một kỳ hạch toán. Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh sang tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ; hoặc Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh sang tài khoản 142 “ Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.4 : Chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Chứng từ sử dụng :

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ có liên quan

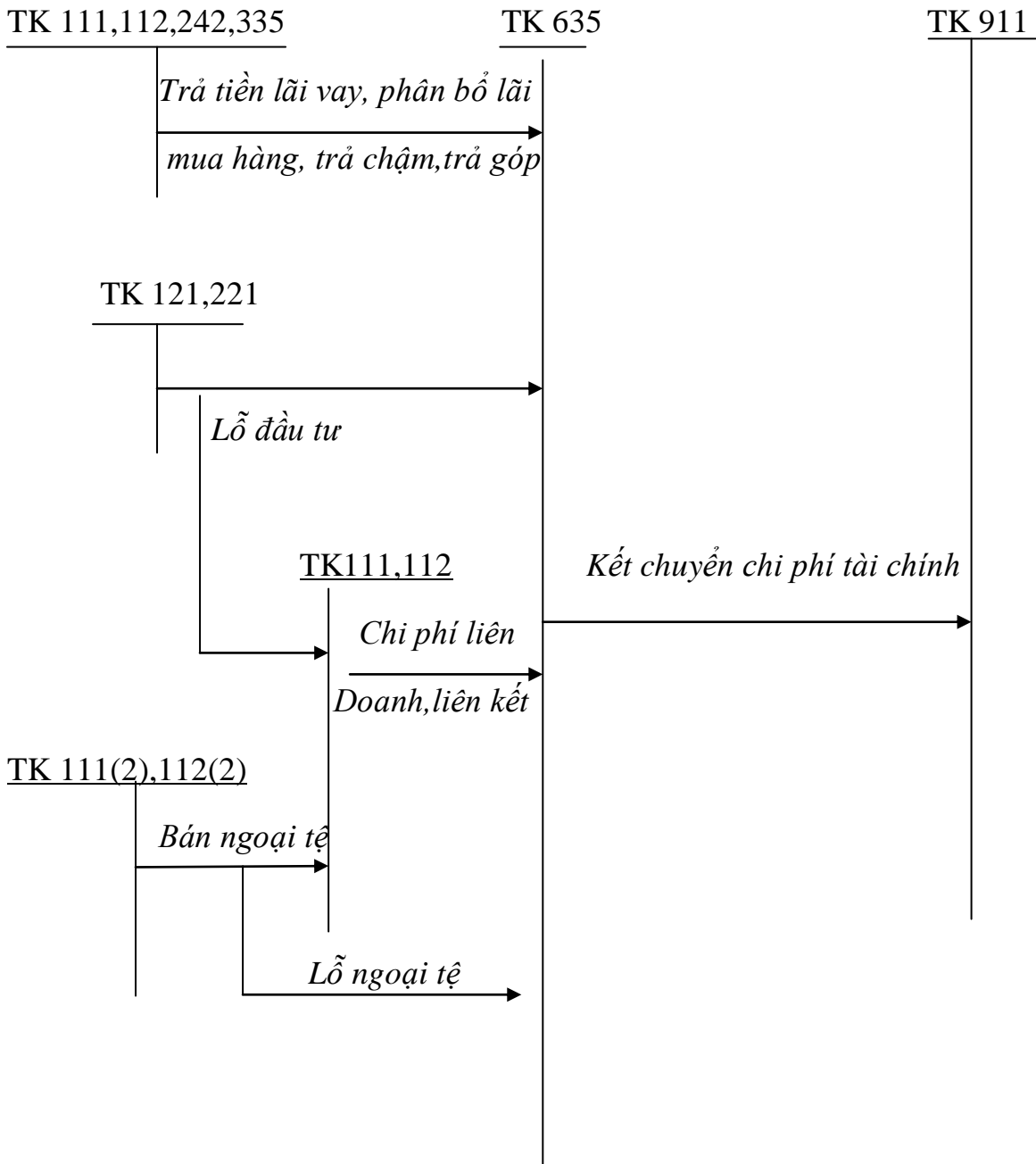
Tài khoản sử dụng : TK 635 – “Chi phí hoạt động tài chính”

Tài khoản 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”

<p>Các khoản chi phí hoạt động tài chính.</p> <p>Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.</p> <p>Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.</p> <p>Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.</p> <p>Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</p> <p>Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.</p>	<p>Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</p> <p>Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.</p>
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5 : Chi phí hoạt động tài chính

1.2.6 Kế toán chi phí khác

Chi phí khác dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng

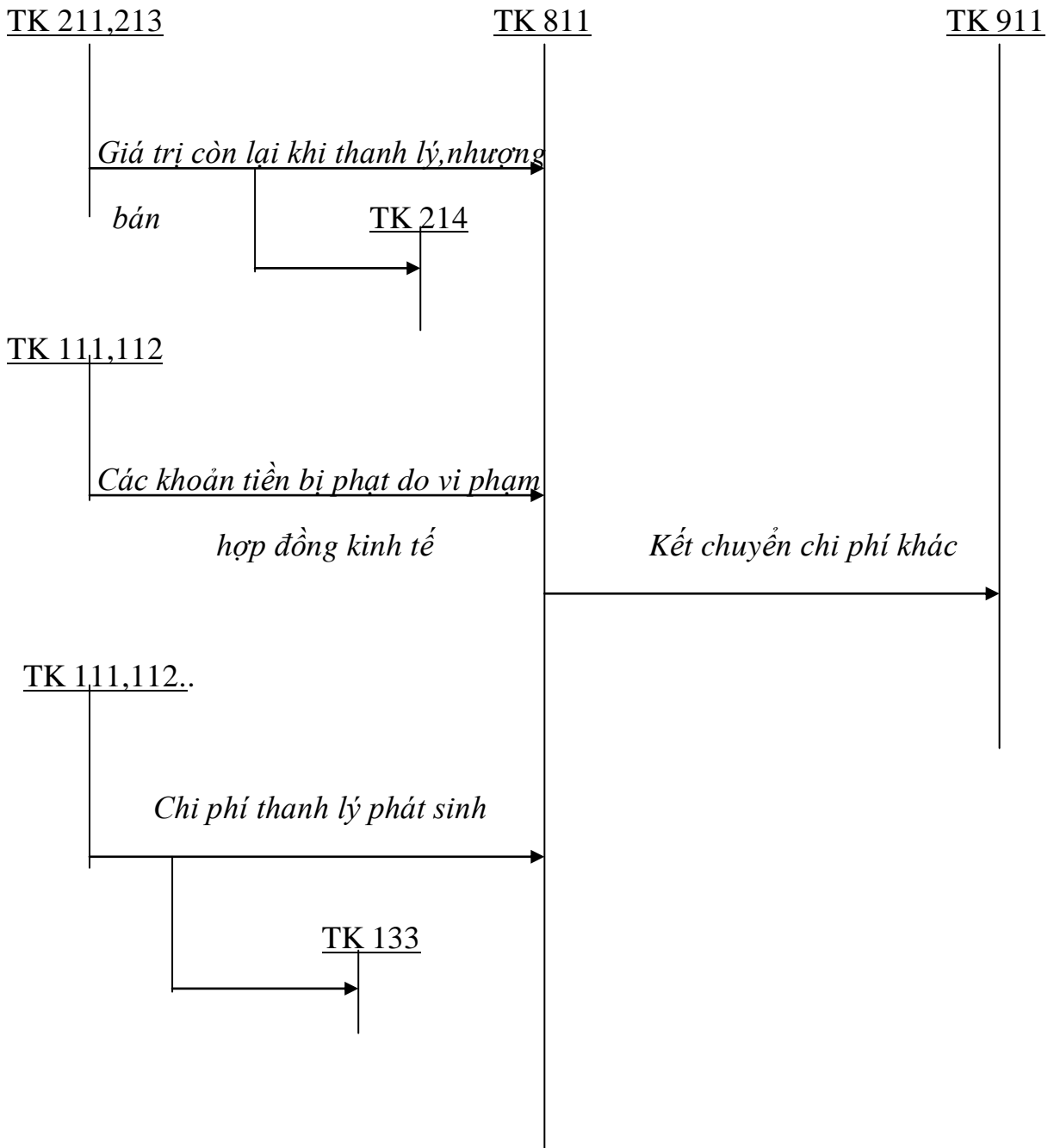
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng : TK 811- “Chi phí khác”

Tài khoản 811 “ Chi phí khác”

Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6 : Chi phí khác

1.2.7 Kế toán thu nhập khác doanh nghiệp

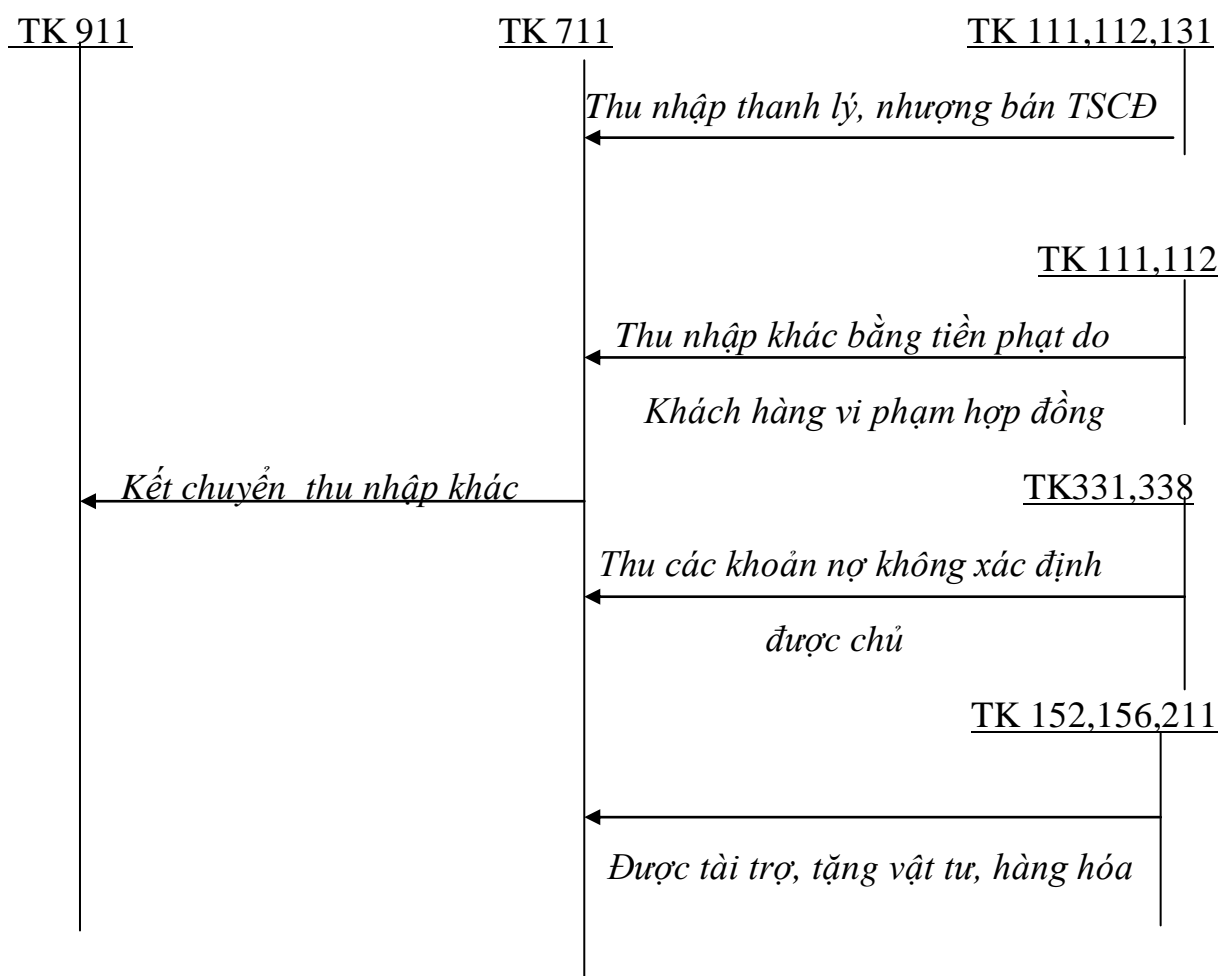
Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề ,lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ liên quan khác như: biên bản thanh lí TSCĐ, hợp đồng kinh tế...

Tài khoản sử dụng: TK 711 – “Thu nhập khác ”

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7 : Thu nhập khác

1.2.8 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng : TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

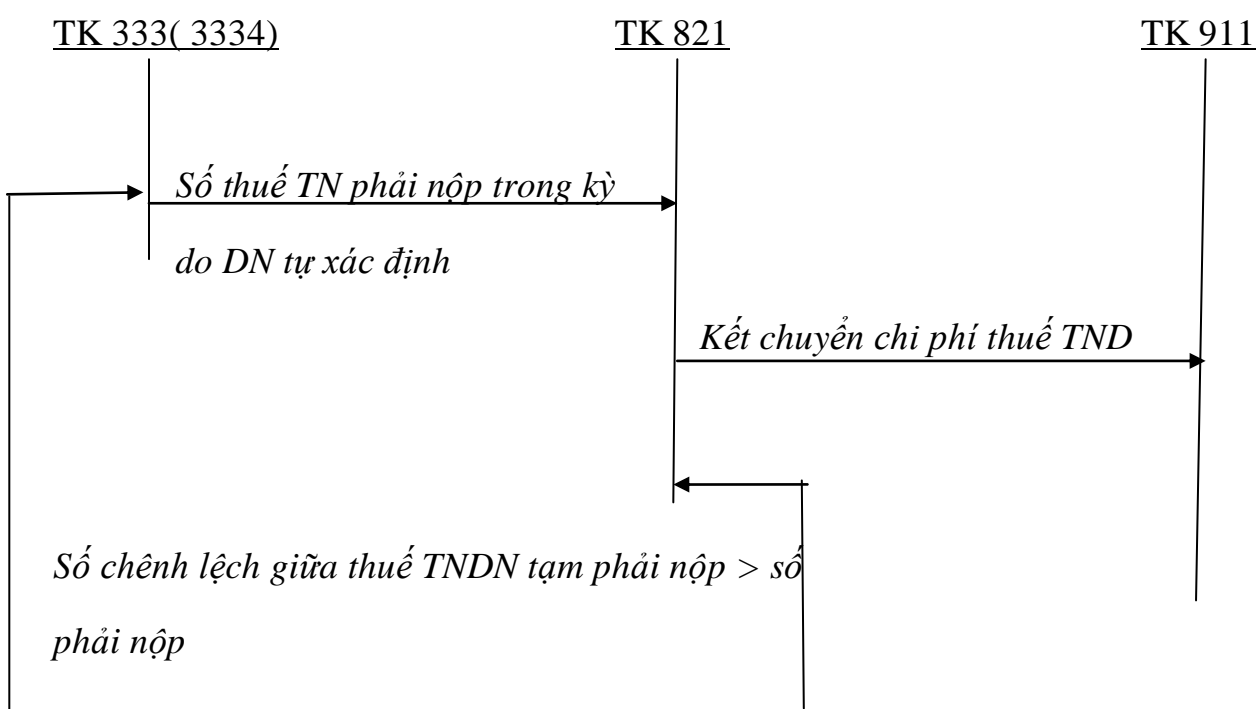
Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

<p>Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;</p> <p>Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại;</p> <p>Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);</p> <p>Ghi nhận chi phí thuế TNDN (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);</p>	<p>Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;</p> <p>Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm số phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại;</p> <p>Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);</p> <p>Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm</p>
---	---

<p>Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “ Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ và bên Có TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	<p>lớn hơn thuế thu nhập phải trả phát sinh trong năm; Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911; Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911.</p>
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>	<p>Tổng phát sinh Có</p>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 : Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Tài khoản 421 : tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2 :

+ Tài khoản 4211 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước : Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của Tk 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211” Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”

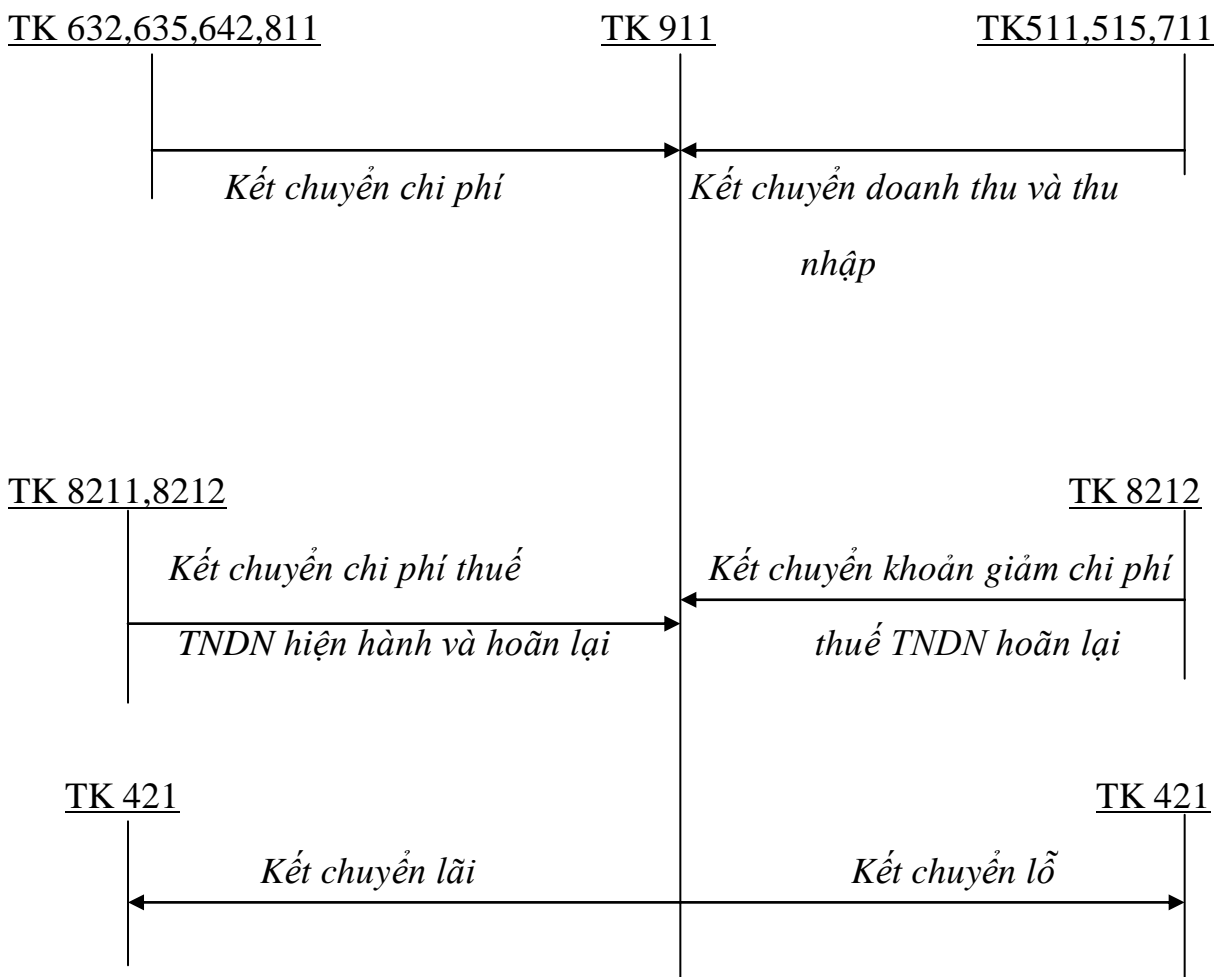
+ tài khoản 4212 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay : Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

- Tài khoản 821 : Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9 : Xác định kết quả kinh doanh

1.4 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán .

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hình thức nhật kí chung

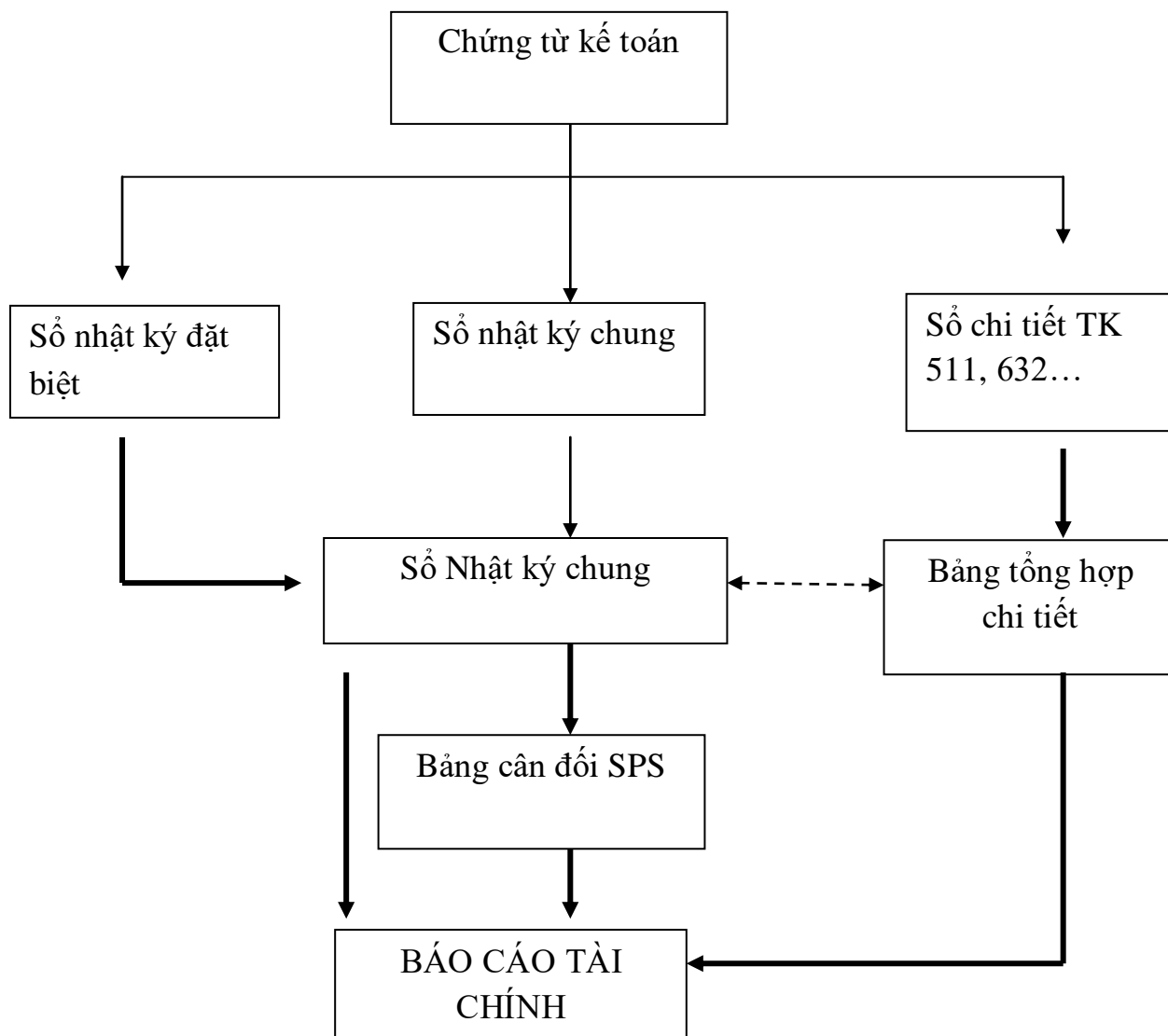
Đặc trưng cơ bản: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi nhận vào sổ nhật kí, mà trọng tâm là sổ nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật kí để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Các loại sổ chủ yếu:

+ Sổ nhật kí chung, sổ nhật kí đặc biệt

+ Sổ cái

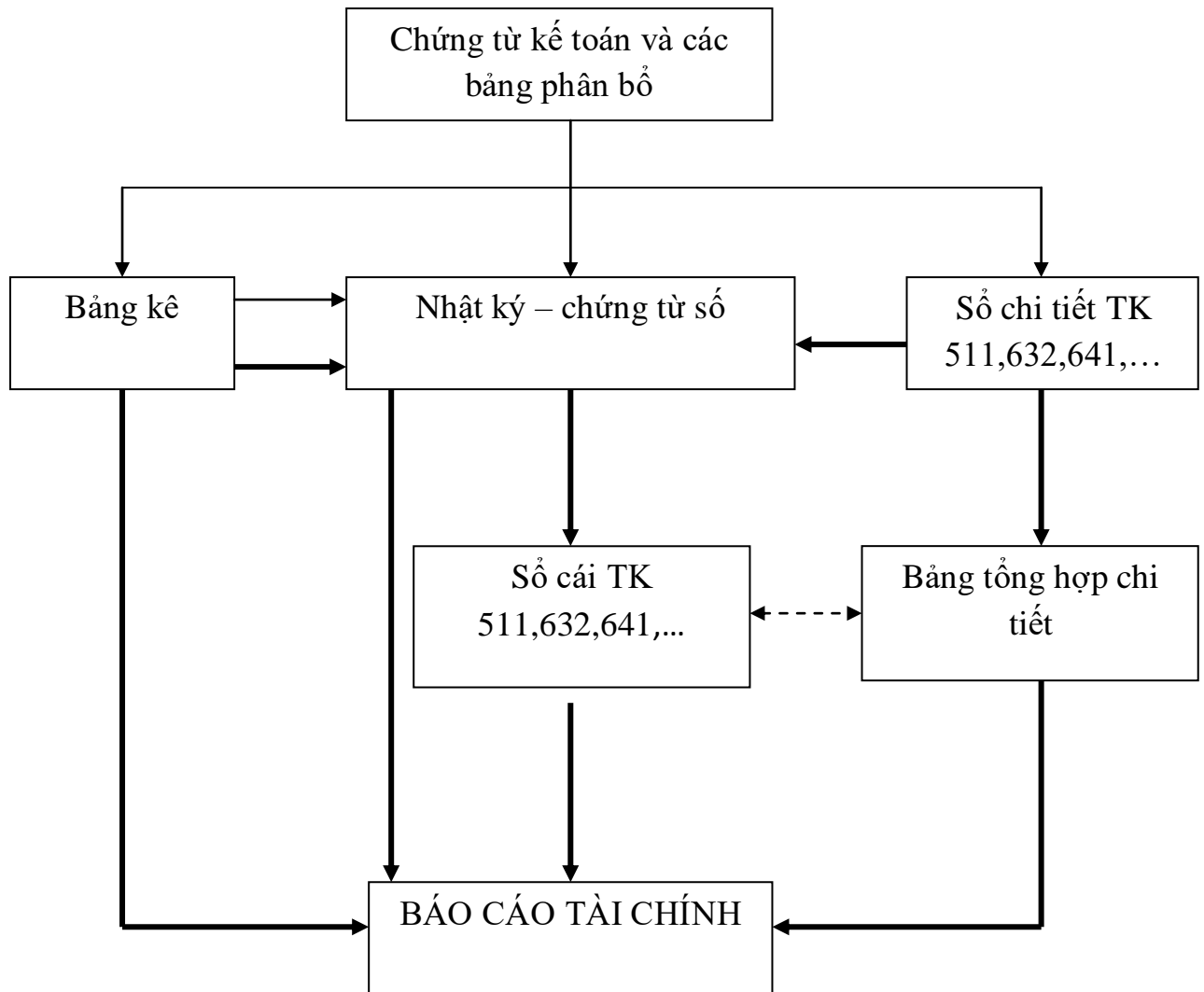
+ Các sổ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.10 : Trình tự kế toán theo hình thức nhật kí chung

Ghi chú : :
 —————> : Ghi hàng ngày
 —————> : Ghi định kỳ
 <-----> : Đối chiếu

1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

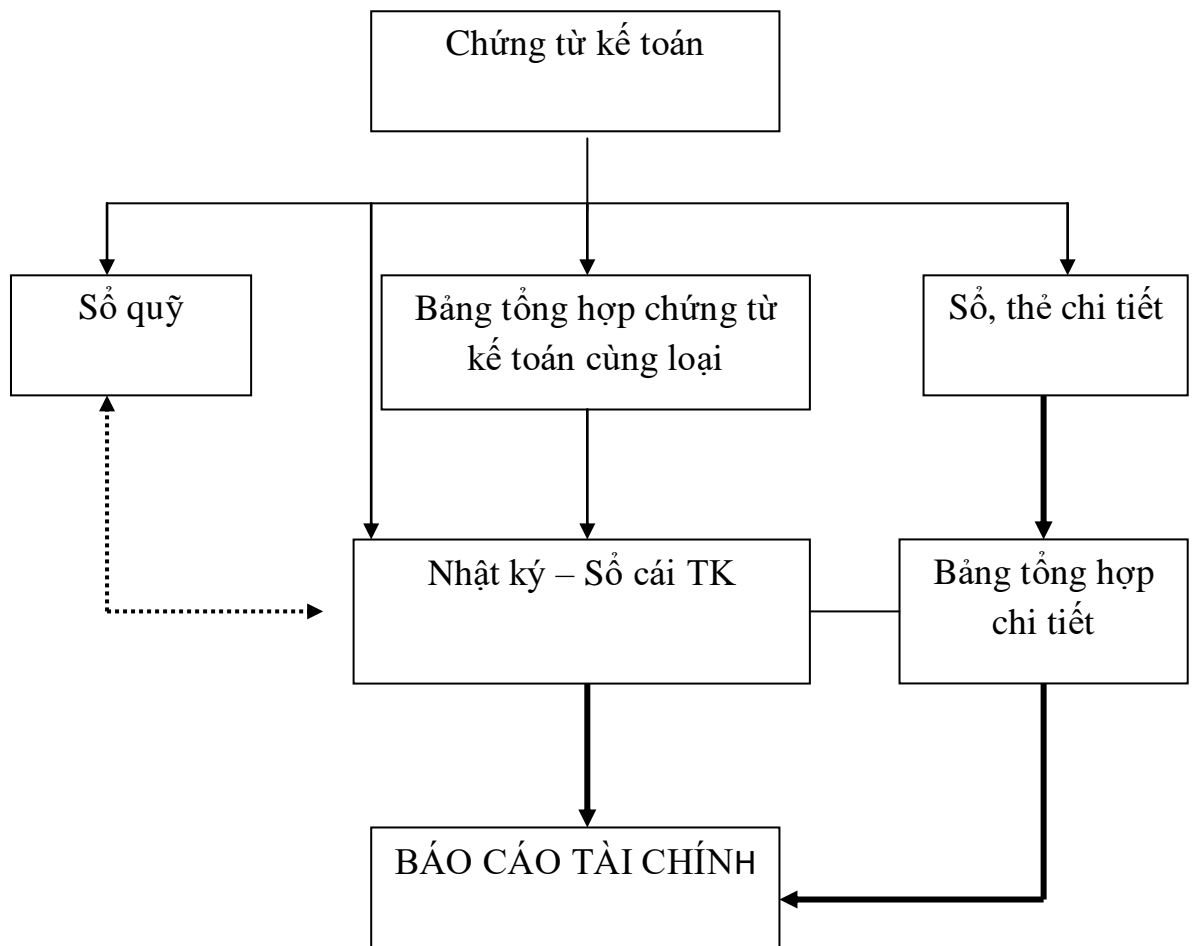


Ghi chú : —————> : Ghi hàng ngày

—————> : Ghi định kỳ

←-----> : Đối chiếu

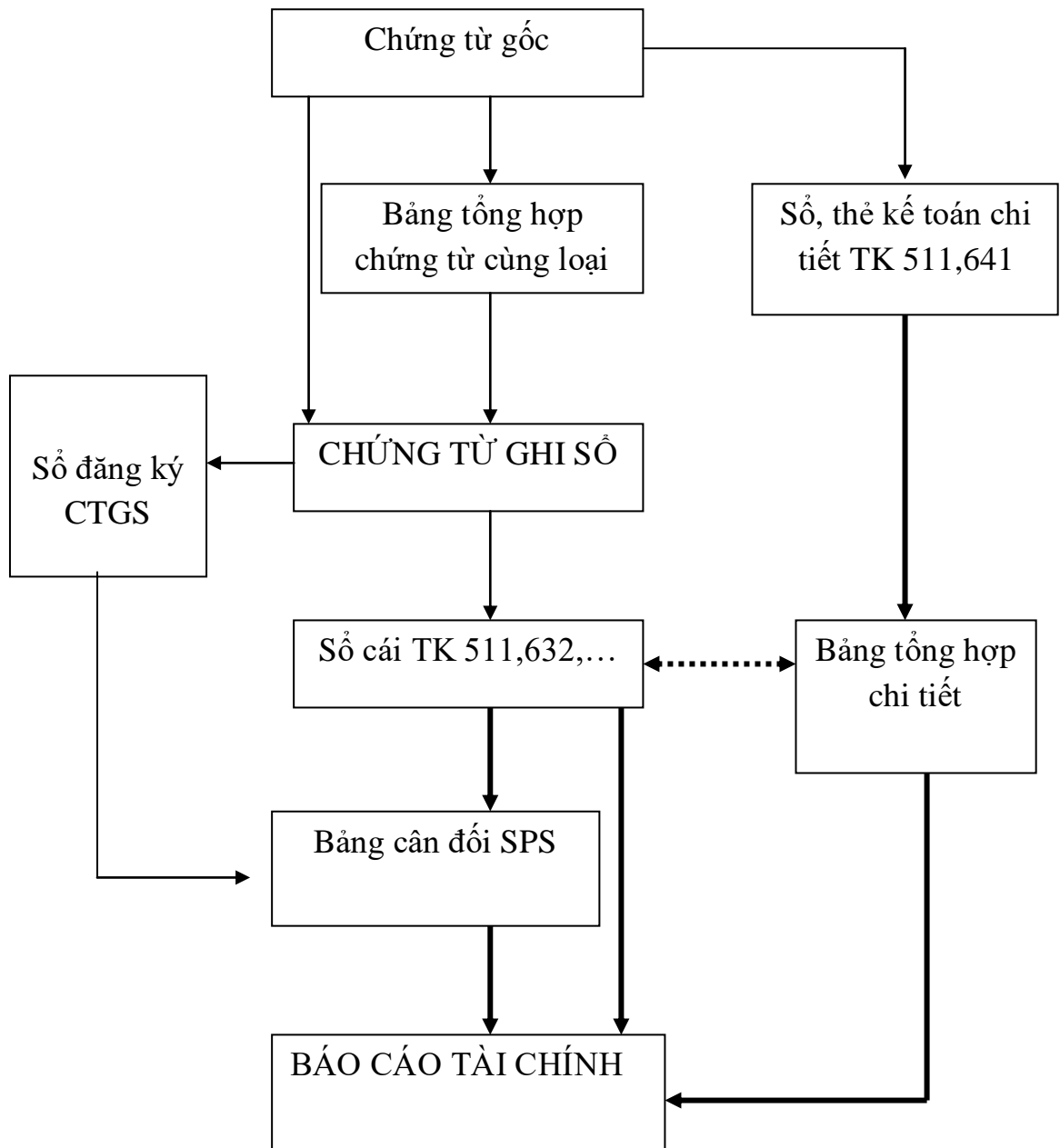
1.4.3 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ ghi sổ



Ghi chú : \longrightarrow : Ghi hàng ngày
 \longrightarrow : Ghi định kỳ
 $\cdots\cdots\longrightarrow$: Đối chiếu

Sơ đồ 1.4.4 Hình thức nhật kí – sổ cái

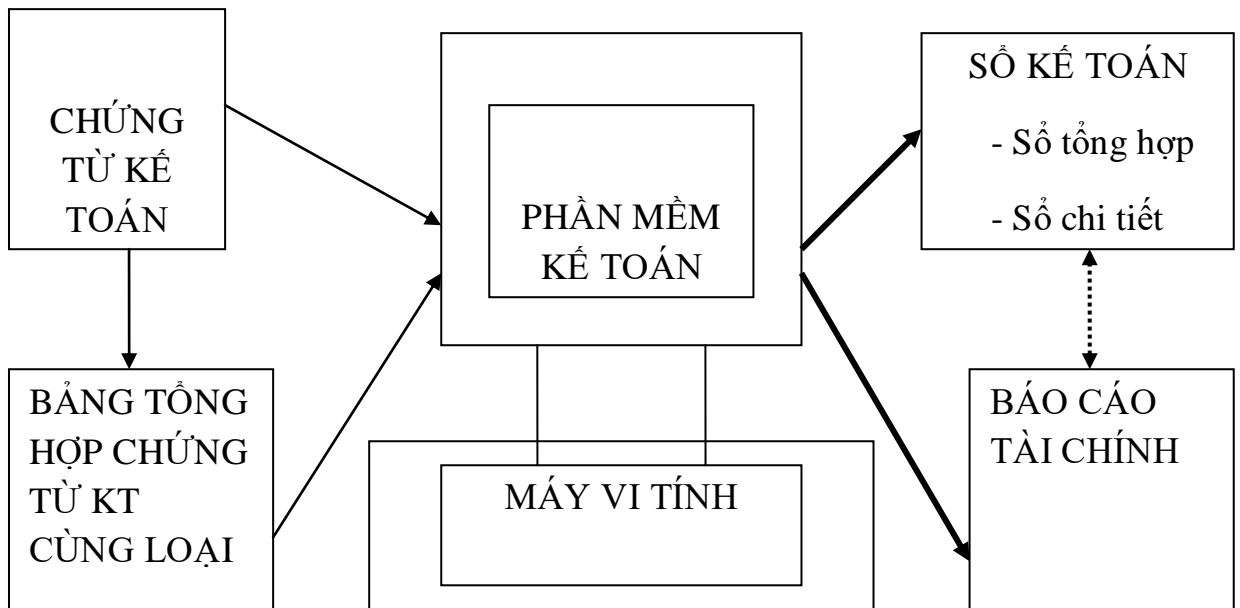
1.4.5 Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú :
 —————> : Ghi hàng ngày
 —————> : Ghi định kỳ
 <-----> : Đối chiếu

Sơ đồ 1.4.5 Hình thức CTGS

1.4.6 Hình thức kế toán máy



Ghi chú :
 —————> : Ghi hàng ngày
 —————> Ghi định kỳ
> Đối chiếu

Sơ đồ 1.4.6 Hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HIỂN HOÀ



2.1 Tổng quan về công ty TNHH Hiển Hoà

Tên công ty : TNHH Hiển Hoà

Tên giao dịch tiếng anh : Hien Hoa Company Limited

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu_Phường Phan Bội Châu_Quận Hồng Bàng_TP.Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh : kinh doanh máy vi tính

Vốn điều lệ : 3.000.000.000 VNĐ

Mã số thuế : 0200559003

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Sự khởi đầu của công ty TNHH Hiển Hoà chỉ là một cửa hàng buôn bán bánh kẹo nhỏ được thành lập từ năm 1998. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần của con người ngày càng được cải thiện và nâng cao. Ngày càng có nhiều dịch vụ mọc lên để đáp ứng nhu cầu thương thức của người tiêu dùng. Năm bắt được xu thế trên năm 2003 chủ cửa hàng là cô Hoàng Thị Hoà đã thành lập công ty TNHH Hiển Hoà.

Công ty TNHH Hiển Hoà có tư cách pháp nhân, hoạt động theo luật doanh nghiệp và theo giấy phép Kinh doanh số 0202001303 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16/06/2003 . Với lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh máy vi tính.

Trước cánh cửa hội nhập, nền kinh tế đất nước đang trên đà tăng trưởng mạnh, việc giao thương hàng hoá giữa các quốc gia diễn ra một cách tích cực. Công ty TNHH Hiển Hoà với mong muốn mở rộng phạm vi kinh doanh và đáp ứng hơn nữa nhu cầu của thị trường, góp phần tăng trưởng nền kinh tế. Trong quá trình phát triển công ty vẫn không ngừng cố gắng mở rộng kinh doanh trong những năm vừa qua. Công ty đã từng bước mở rộng đầu tư chiều sâu về cả số lượng lẫn chất lượng.

Từ khi thành lập cho đến nay công ty đã có những phát triển vượt bậc với đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ có trình độ đào tạo chính quy về nghiệp vụ và

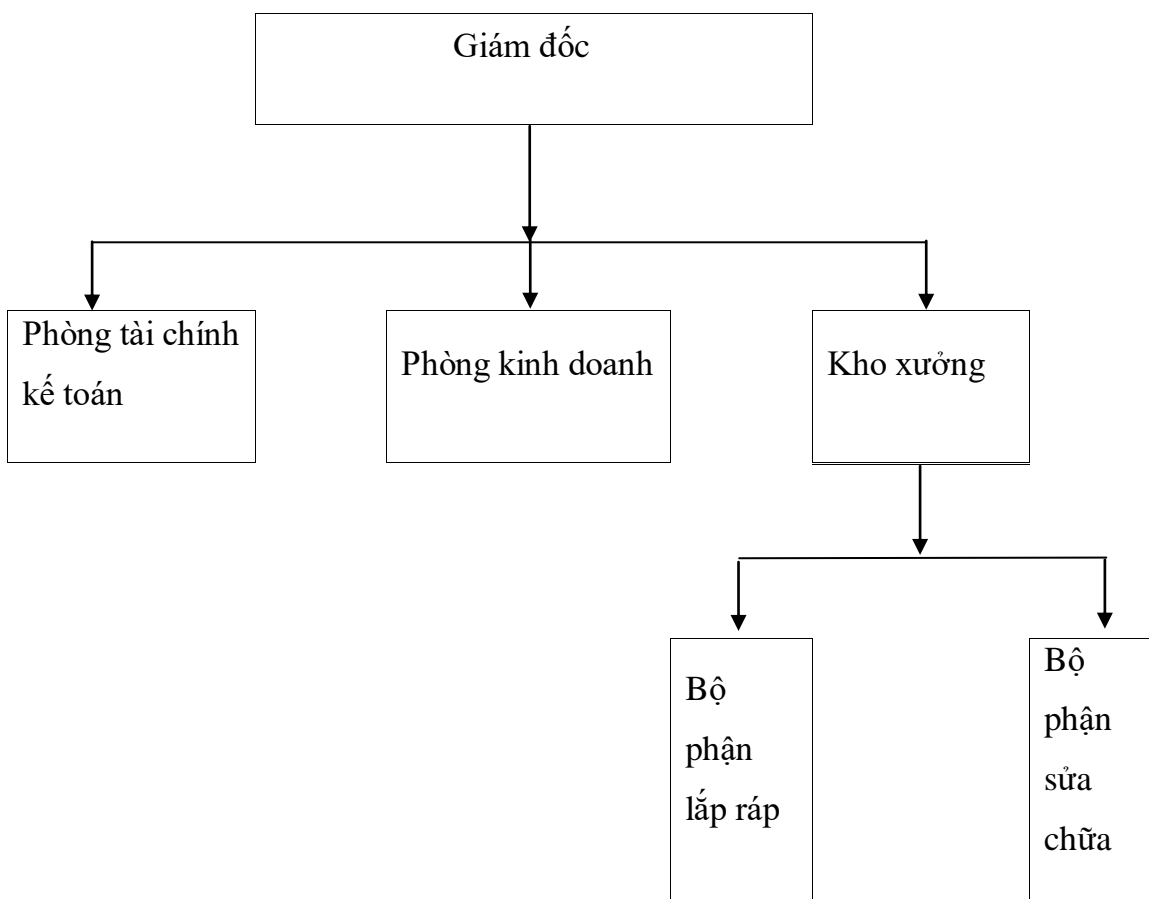
chuyên môn. Từng bước tạo dựng được uy tín và mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp, các bạn hàng.

2.1.2. Chức năng, ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép kinh doanh số 0202001303 công ty được tiến hành hoạt động kinh doanh : kinh doanh máy vi tính....

Từ khi thành lập và hoạt động đến nay công ty chủ yếu tiến hành kinh doanh máy tính điện tử của các hãng Samsung, Acer, HP, Toshiba

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Giám đốc: Trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh của công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của công ty.

Nhiệm vụ ban giám đốc :

- Lập phương án, bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, bổ nhiệm và bãi nhiệm chức danh quản lý.
- Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của điều lệ công ty, báo cáo trước hội đồng quản trị tình hình tài chính, kết quả kinh doanh...

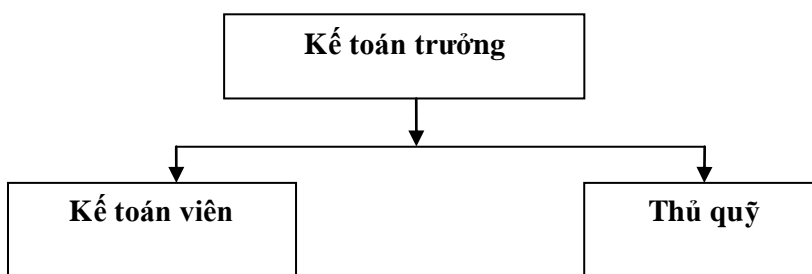
Phòng hành chính kế toán : Có nhiệm vụ tham mưu xây dựng kế hoạch tiền lương, tổ chức thực hiện công tác hành chính, lập kế hoạch giám sát, quản lý việc đầu tư tài sản, cơ sở vật chất xây dựng cơ bản của từng bộ phận và của toàn công ty, tổ chức tốt công tác quản lý, bảo vệ tài sản mua sắm phương tiện giúp Giám đốc thực hiện những công việc hành chính như: bảo quản con dấu, công văn đi, công văn đến...

Phòng kinh doanh: Thực hiện toàn bộ việc nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sản phẩm, marketing sản phẩm, tổ chức cho công nhân đi giao hàng trong và ngoài thành phố, tổ chức các kênh tiêu thụ, quản lý các đại lý bán, đại lý mua đơn đốc theo dõi các khoản nợ của khách hàng trong quá trình tiêu thụ các sản phẩm.

Kho xưởng : tổ chức và quản lý hành hoá lưu kho, theo dõi và ghi chép việc thực hiện nhập xuất hàng tại kho bao gồm 2 bộ phận lắp ráp và sửa chữa.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

a) *Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.*



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Qua sơ đồ trên ta thấy nhiệm vụ của từng công việc kế toán là:

- **Kế toán trưởng:** là người chỉ đạo và chịu trách nhiệm về toàn bộ phòng kế toán.

Trực tiếp làm công tác kế toán, theo dõi tình hình biến động về tài chính của doanh nghiệp, lập báo cáo tài chính tổng hợp của toàn công ty.

- **Kế toán viên:** có nhiệm vụ ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Văn phòng công ty.

- **Thủ quỹ:** làm nhiệm vụ quản lý trực tiếp tiền mặt, cấp phát theo lệnh thu chi của lãnh đạo công ty cho công tác hoạt động của DN.

b) *Đặc điểm chế độ kế toán áp dụng tại công ty.*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập chung và tiến hành công tác kế toán theo hình thức nhật kí chung.

Công tác kế toán của công ty thực hiện đúng theo những quy định mà nhà nước ban hành về chế độ kế toán cụ thể :

Hệ thống tài khoản mà xí nghiệp đang áp dụng là hệ thống tài khoản trong chế độ kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐBTC (Ngày 14/09/2006) của Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

- ✓ Niên độ kế toán tại đơn vị : Từ ngày 01/01 đến 31/12.
- ✓ Phương pháp nộp thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ thuế.
- ✓ Phương pháp khấu hao TSCĐ : Theo phương pháp tính khấu hao đều.
- ✓ Phương pháp tính giá vốn thực tế hàng xuất kho : Phương pháp nhập trước xuất trước .
- ✓ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Theo phương pháp kê khai thường xuyên

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung

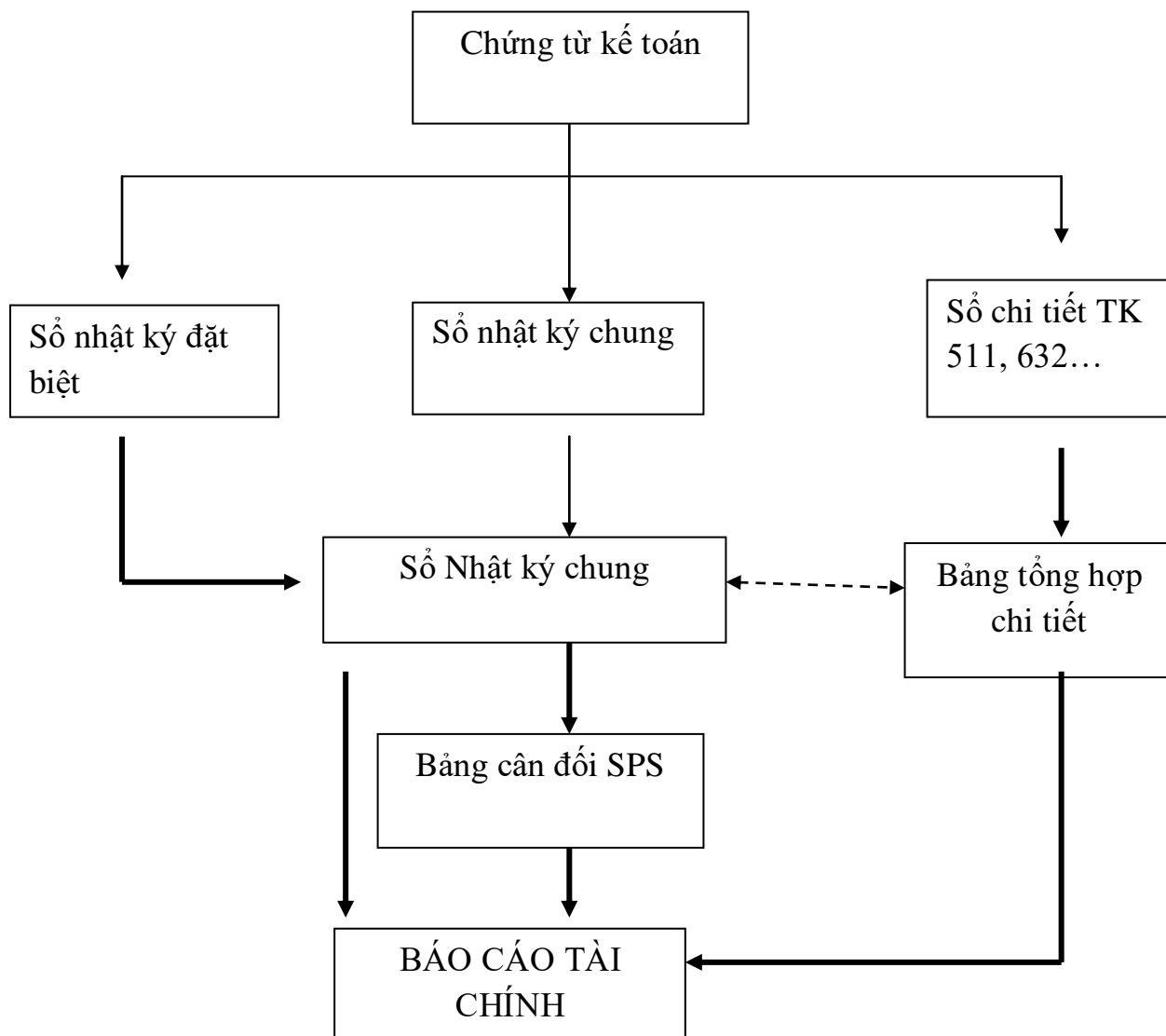
Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái
- + Các sổ , thẻ kế toán chi tiết

Phương pháp hạch toán

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Cuối kì cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính. Về nguyên tắc tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số

phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật kí chung cùng kỳ kế toán



Sơ đồ 2.3 : Trình tự kế toán theo hình thức nhật kí chung

Ghi chú : :
 —————> : Ghi hàng ngày
 —————> : Ghi định kỳ
 <-----> : Đối chiếu

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hòa .

2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập.

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu của công ty

Công ty TNHH Hiền Hòa là một công ty thương mại kinh doanh dịch vụ, doanh thu của công ty từ nhiều nguồn khác nhau và được chia thành 2 mảng chính: Doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ.

✓ Doanh thu bán hàng : Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hoá như một đại lý bán buôn và bán lẻ. Loại hàng hoá công ty kinh doanh chủ yếu là máy tính Doanh thu từ hoạt động kinh doanh này chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của công ty.

✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ: Mảng kinh doanh này bao gồm các hoạt động dịch vụ sửa chữa, cung ứng các phần mềm Doanh thu từ mảng kinh doanh này chỉ chiếm khoảng 15% tổng doanh thu của công ty, nhưng đây lại là mảng hoạt động kinh doanh đang được công ty chú trọng phát triển. Hàng năm lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ này cũng đóng góp không nhỏ vào tổng doanh thu.

2.2.1.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ có liên quan

Công ty TNHH Hiền Hòa là một doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế. Do đó chứng từ gốc được công ty chủ yếu sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng là hóa đơn GTGT hóa đơn được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Màu trắng lưu lại phòng kế toán ở quyển hóa đơn
- + Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa.
- + Liên 3: Màu xanh lưu hành nội bộ dùng để thanh toán.

Ngoài ra chứng từ kế toán doanh thu bán hàng còn có : phiếu xuất kho, phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...

Tài khoản sử dụng: TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .

TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

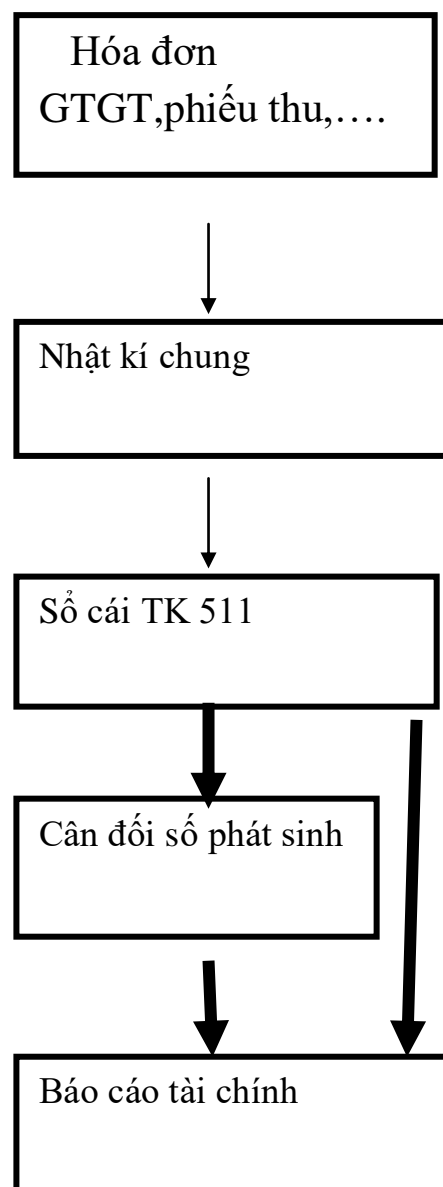
Các tài khoản khác liên quan.

2.2.1.3. Phương pháp hạch toán

- Khi bán hàng hình thức thanh toán do hai bên tự thỏa thuận nếu thanh toán ngay thì kế toán lập phiếu thu, nếu thanh toán bằng chuyển khoản thì lập ủy nhiệm thu, ngoài ra những khách hàng quen thuộc của công ty chấp nhận có thể bán chịu cho khách hàng.

- Cơ sở để ghi vào nhật kí chung là các hóa đơn GTGT, phiếu thu tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng. Cuối kỳ kinh doanh công ty sẽ căn cứ vào nhật kí chung để phản ánh vào sổ cái TK 511. Nếu có các tài khoản giảm trừ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng như: giảm giá hàng bán, thuế nhập khẩu phải nộp ...kế toán sẽ dựa vào đó để tính toán doanh thu thuần theo công thức sau:

Doanh thu thuần BH&CCDV = Tổng doanh thu – Các khoản giảm trừ doanh thu.



Ghi chú :

Sơ đồ 2.3. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu.

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn GTGT, chứng từ thanh toán kế toán ghi vào sổ nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật kí chung để ghi vào sổ cái tài khoản 511. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ : Ngày 15/10/2016 công ty xuất 4c máy tính xách tay cho công ty XM Thăng Long với giá trị chưa thuế là 72.000.000 đồng. Khách hàng chưa thanh toán

Căn cứ vào HĐ0000284 kế toán định khoản :

Nợ 131 : 79.200.000

Có 511 : 72.000.000

Có 3331: 7.200.000

Căn cứ vào HĐ0000284 (biểu số 2.1) hàng ngày kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.3). Từ sổ nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.4)

Cuối tháng,năm căn cứ vào sổ cái TK 511 và 632 kế toán phản ánh vào bảng cân đối phát sinh và lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT (HD0000284)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số 01GTKT3/001			
Liên 3 : Hạch toán nội bộ		Ký hiệu : AA/16P			
Ngày 15 tháng 10 năm 2016		Số : 0000284			
Đơn vị bán hàng : Công ty XM Thăng Long					
Mã số thuế 0107784639					
Địa chỉ : Liên Quan - Thạch Thát - Hà Nội					
Số tài khoản: 10201000067843					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng: Đặng Thị Hà					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa					
Mã số thuế : 0200559003					
Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng , Thành Phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : CK		Số tài khoản : 102010000211543			
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy tính xách tay	Chiếc	04	18.000.000	72.000.000
Cộng tiền hàng					72.000.000
Thuế suất GTGT : 10%					7.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					79.200.000
Số tiền bằng chữ : Bảy mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ :Số 103 Phan Bội Châu, Phường Phan Bội Châu,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC

Quận Hồng Bàng , Thành Phố Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 10

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PXK07	15/10	Xuất máy tính xách tay, giá vốn	632	36.000.000	
			156		36.000.000
HĐGT GT284	15/10	Xuất máy tính xách tay cho XM Thăng Long, chưa thu tiền	131	79.200.000	
			511		72.0000.000
			3331		7.200.000
.....
		Tổng cộng		5.542.600.000	5.542.600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký tên, họ tên)

(ký tên, họ tên)

(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.3 Nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ :Số 103 Phan Bội Châu, Phường Phan Bội Châu, (Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
 Quận Hồng Bàng , Thành Phố Hải Phòng Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư nợ đầu kỳ</u>			
.....
HĐGTGT 0000284	15/10	Xuất máy tính xách tay bán	131		72.000.000
.....
HĐGTGT 0000288	30/10	Doanh thu bán máy tính bộ	131		92.000.000
.....
PKT 07	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	1.571.200.000	
		Cộng số phát sinh		1.571.200.000	1.571.200.000
		<u>Số dư nợ cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên,đóng dấu)

Biểu số 2.4 : Sổ cái TK 511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa của công ty khi xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Phương pháp này phù hợp với quá trình hoạt động của công ty, đảm bảo tính kịp thời của thông tin kinh tế nhưng khối lượng không nhiều.

Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho: phiếu xuất kho được viết làm 3 liên:

- 1 liên lưu lại cuống ở phòng kinh doanh tổng hợp
- 1 liên giao cho bộ phận sử dụng.
- 1 liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và sau đó gửi lên phòng kế toán tài vụ để kế toán vào đơn giá, thành tiền của hàng xuất kho vào sổ kế toán.

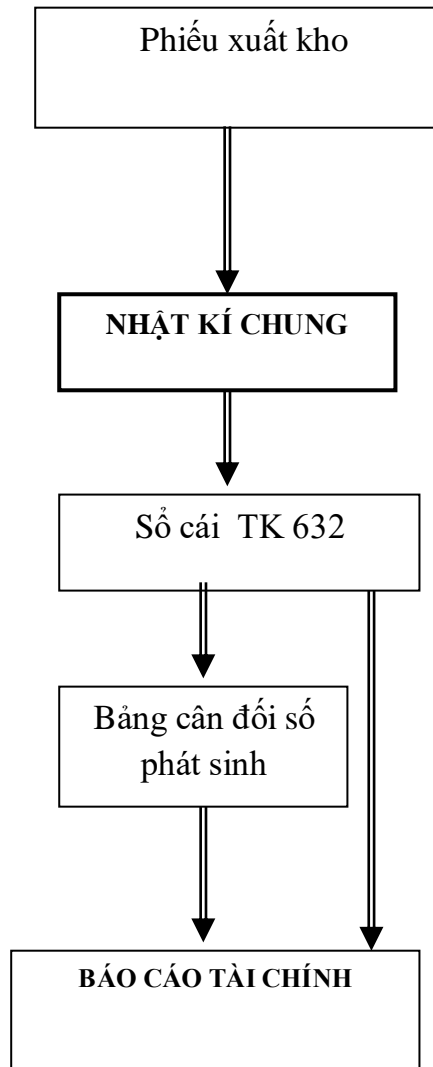
+ Sổ chi tiết hàng hóa.

+ Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632: “Giá vốn hàng bán”

Phương pháp hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi chép nghiệp vụ vào sổ cái tài khoản 632. Cuối kỳ, từ sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính.



Ghi chú:

⇒ :Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.4. Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán.

Ví dụ : Ngày 15/10/2016 công ty xuất máy tính xách tay cho công ty XM Thăng Long với giá trị chưa thuế là 72.000.000 đồng. Khách hàng chưa thanh toán

Căn cứ vào phiếu xuất kho (biểu số 2.5). Cuối tháng khi nhận được chứng từ xuất kế toán tiến hành tổng hợp phiếu xuất kho và lập nhật kí chung (biểu số 2.7), và ghi sổ cái TK 632 (biểu số 2.8)

Đơn vị: Công TNHH Hiền Hòa**Mẫu số : 02 – VT****Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu, Phường Phan Bội Châu (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ–BTC**

Quận Hồng Bàng , Thành Phố Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 10 năm 2016

Số : 07

Nợ : 632

Có : 156

Họ tên người giao : Trần Thị Lua

Địa chỉ: Công ty TNHH Hiền Hòa

Xuất kho tại:

Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính xách tay		Chiếc	4	4	9.000.000	36.000.000
	Cộng	x	X	4	4	9.000.000	36.000.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba mươi sáu triệu đồng chẵn

- Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 15 tháng 10 năm 2016

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5 : Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Hiện Hòa

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ :Số 103 Phan Bội Châu, Phường Phan Bội Châu,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC

Quận Hồng Bàng , Thành Phố Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PXK07	15/10	Xuất máy tính xách tay, giá vốn	632	36.000.000	
			156		36.000.000
HGTGT 284	15/10	Xuất máy tính xách tay cho XM Thăng Long, chưa thu tiền	131	79.200.000	
			511		72.0000.000
			3331		7.200.000
.....
.....
		Tổng cộng		5.542.600.000	5.542.600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký tên, họ tên)

(ký tên, họ tên)

(ký tên , họ tên , đóng dấu)

Biểu số 2.7 : Trích sổ nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ :Số 103 Phan Bội Châu, Phường Phan Bội Châu,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC

Quận Hồng Bàng , Thành Phố Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản :Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư nợ đầu kỳ</u>			
.....
P XK 07	15/10	Xuất bán máy tính xách tay	156	36.000.000	
.....
P XK 09	30/10	Xuất bán máy tính bộ	156	30.000.000	
.....
P KT 09	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		602.000.000
		Cộng số phát sinh		602.000.000	602.000.000
		<u>Số dư nợ cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên,đóng dấu)

Biểu số 2.8 : Trích sổ cái 632 tháng 10/2016

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý chung của công ty .

Chi phí quản lý của công ty bao gồm:

- Chi phí nhân viên: lương và các khoản phải trích theo lương
- Chi phí đồ dùng văn phòng: bàn, ghế, tủ, văn phòng phẩm
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí khác....

Tài khoản sử dụng: Để theo dõi chi phí quản lý công ty kế toán sử dụng TK 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh”.

Chứng từ sử dụng:

- + Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, phiếu thu, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng...
- + Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảng trích khấu hao

Phương pháp hạch toán.

Hàng ngày căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động chung của công ty được quy định là chi phí quản lý kinh doanh , kế toán tiến hành định khoản, cuối tháng lập nhật ký chung , sau đó vào sổ cái TK642

Ghi chú :

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

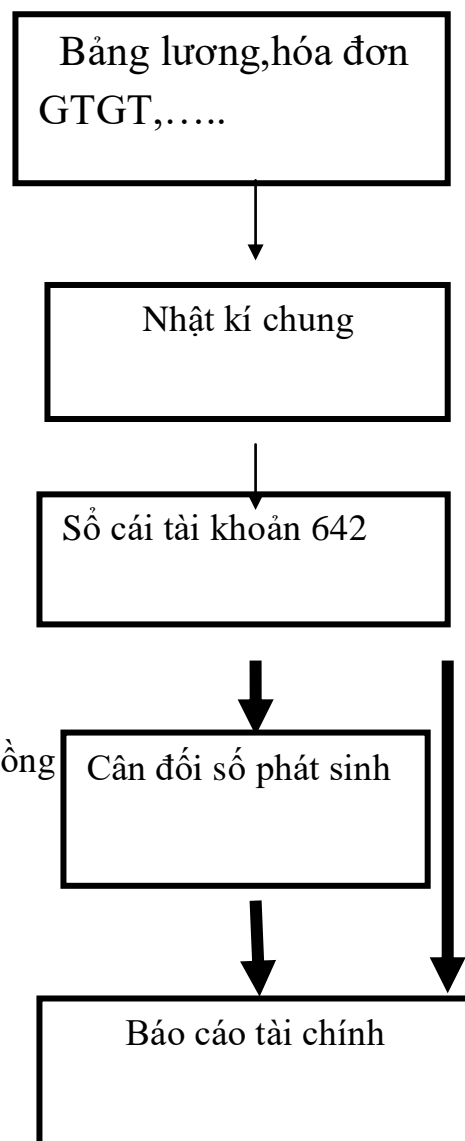
Ví dụ 9 : Ngày 30/10/2016 công ty thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt số tiền 3.715.354 đồng (bao gồm cả thuế VAT 10%)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 3.377.595

Nợ TK 133: 337.759

Có TK 111: 3.715.354



Sơ đồ 2.5 : Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số : 01GTKT2/001

Tên người bán : **Viễn thông Hải Phòng**

Kí hiệu : AA/15P

Mã số thuế : 020028797

Số (No) : 1002039

Địa chỉ (address): Thị trấn Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Điện thoại : 03136537042015

Tên khách hàng (Customer's name): **Công ty TNHH Hiền Hòa**

Địa chỉ (address): Số 103 Phan Bội Châu, Phường Phan Bội Châu , Quận Hồng Bàng , TP.HP

Số điện thoại(Tel): 03135462566 Mã số(code): HPG-03-036537(T5DHA3)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM

MST : 0200559003

STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG(KIND OF SERVICE)	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng: 10/2016				
	a.Cước dịch vụ Viễn thông				3.377.595
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				
	c.Chiết khấu+ Đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mãi				0
	e.Trừ đặt cọc+Trích thưởng+nợ cũ				
(a+b+c+d)	Cộng tiền dịch vụ Total) (1)				3.377.595
Thuế suất GTGT(VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT					337.759
(1+2+e)	Tổng cộng tiền thanh toán(Grand total) (1+2)				3.715.354

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng .

Ngày 30 tháng 10 năm 2016

**Người nộp tiền kí (Signature of payer)
giao dịch ký (Signature of dealing staff**

Nhân viên

Biểu số 2.9: HD 1002039

Đơn vị: Công ty TNHH Hiển Hòa

Mẫu số : 02 – TT

Địa chỉ:Số103 Phan Bội Châu,P. Phan Bội Châu

(Ban hành theoQĐ số48/2006/QĐ- BTC

Quận Hồng Bàng , Thành Phố Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 10 năm 2016

Quyển số :

Nợ 642

Số : 94

Nợ 133

Có 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Công ty viễn thông VNPT

Lý do chi: Trả tiền hóa đơn 1002039

Số tiền : 3.715.354

Viết bằng chữ :Ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng

Kèm theo : 01

Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

Người lập phiếu

Người nhận tiền

Thủ quỹ

Kế toán

Giám đốc

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Ba triệu, Bảy trăm mười năm nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng.

Biểu số 2.10 : Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH Hiển Hòa

Mẫu số S03a-DNN

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương - QT

Địa chỉ : Số 103 Phan Bội Châu, P.Phan Bội Châu, (Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ – BTC
 Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Đơn vị : **Đông**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PC 94	30/10	Thanh toán tiền điện thoại văn phòng	642	3.377.595	
			133	377.759	
			111		3.715.354
PC 97	30/10	Thanh toán tiền điện phục vụ cho bộ phận quản lý trả ngay bằng tiền mặt	642	1.030.000	
			133	103.000	
			111		1.133.000
	
		Tổng cộng		5.542.600.000	5.542.600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký tên,họ tên)

Giám đốc

(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.11 : Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty THNN Hiện Hòa

Mẫu số: S03b - DN

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu, P. Phan Bội Châu, (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ –BTC

Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lí kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
30/10	PC 94	30/10	Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt	1111	3.377.595	
30/10	PC 97	30/10	Thanh toán tiền điện phục vụ cho bộ phận quản lý trả ngay bằng tiền mặt	1111	1.030.000	
.....
31/12	PKT 10	31/12	Kết chuyển cuối kì	911		409.449.218
			Cộng phát sinh		409.449.218	409.449.218
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2. 12 : Trích sổ cái 642

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính.

Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu là: Lãi tiền gửi ngân hàng

Chứng từ sử dụng: Chứng từ giao dịch của Ngân hàng, giấy báo có

Tài khoản sử dụng: 515 - doanh thu hoạt động tài chính

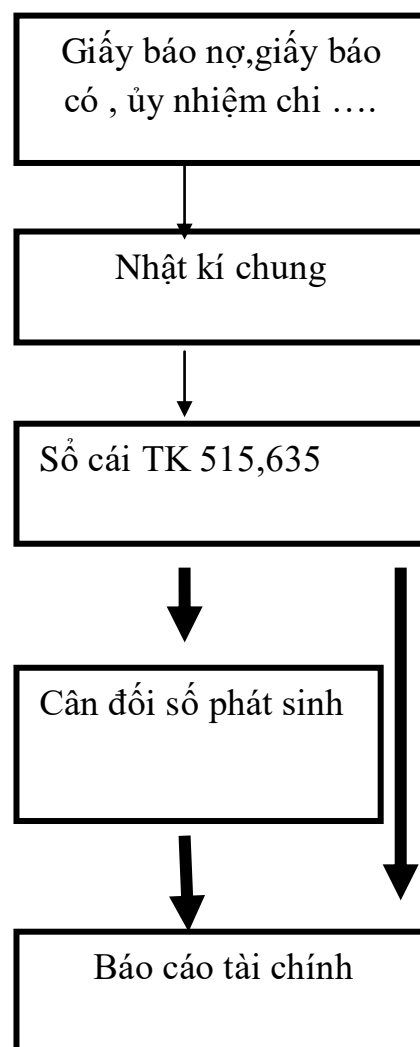
635 - chi phí hoạt động tài chính

Sơ đồ 2.6 : Hạch toán doanh thu tài chính , chi phí tài chính

Ghi chú :

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →



Hàng ngày, căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có, ủy nhiệm chi... kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK515, 635. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ : Lãi tiền gửi tháng 10 năm 2016

Định khoản : Nợ TK 1121: 50.589

Có TK 515: 50.589

Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam

Mã GDV:APP

Mã KH:44589

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

GDV: TRAN THU TRANG

Ngày 20/10/2016 Mã KH : 44589

Số GD: 78

Kính gửi: Công ty TNHH Hiền Hòa

Mã số thuế: 0200559003

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có : 10201000211543

Số tiền bằng số: 50.589

Số tiền bằng chữ: Năm mươi nghìn năm trăm tám mươi chín đồng

Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 10

GIAO DỊCH VIÊN

Teller
(Đã ký)

KIỂM SOÁT

Supervisor
(Đã ký)

Biểu số 2.13 : Giấy báo có

Đơn vị: Công ty TNHH Hiện Hòa

Mẫu số :S03a- DNN

Địa chỉ:Số 103 Phan Bội Châu,P. Phan Bội Châu (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Quận Hồng Bàng _ TP.Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

20/ 10	GBC 78	20/10	Lãi tiền gửi T10 ngân hàng ViettinBank	112	50.589	
				515		50.589
...
...		
26/ 10	GBC 80	26/10	Lãi tiền gửi T10 ngân hàng VietcomBank	112	60.412	
				515		60.412
...
...						
			Cộng phát sinh		5.542.600.000	5.542.600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu_ Phường Phan Bội Châu (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Quận Hồng Bàng _ TP.Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
20/10	GBC 78	20/10	Lãi tiền gửi T10 ngân hàng ViettinBank	112		50.589
.....
26/10	GBC 80	26/10	Lãi tiền gửi T10 ngân hàng VietcomBank	112		60.412
.....
31/12	PKT 08	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	911	49.452.395	
			Cộng phát sinh		49.452.395	49.452.395

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17: Trích sổ cái 515

BIDV

ỦY NHIỆM CHI

Số/ seg no: 10

PAYMENT ODER

Ngày : 25/10/2016

Tên TK trích Nợ : Công ty TNHH Hiền Hòa	Người hưởng : NH TMCP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Số TK :10201000211543	Số TK:
Tại NH : NH TMCP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	Tại NH :NH TMCP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Số tiền bằng số : 5.527.778	Số tiền bằng chữ : Năm triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, bảy trăm bảy tám đồng
Nội dung : Chi trả tiền lãi vay cho ngân hàng	

GIAO DỊCH VIÊN

Teller
(Đã ký)

KIỂM SOÁT

Supervisor
(Đã ký)

Biểu số 2.18 : Ủy nhiệm chi

Đơn vị: Công ty TNHH Hiện Hòa

Mẫu số :S03a- DNN

Địa chỉ:Số 103 Phan Bội Châu_P. Phan Bội Châu *Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

Quận Hồng Bàng _ TP.Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

5/10	UNC 06	5/10	Chi trả tiền lãi vay cho ngân hàng BIDV	635	972.222	
				112		972.222

25/20	UNC 10	25/10	Chi trả tiền lãi vay cho ngân hàng BIDV	635	5.527.778	
				112		5.527.778
26/10	UNC 14	26/10	Chi trả tiền lãi vay cho ngân hàng Vietcombank	635	4.055.556	
				112		4.055.556
.....
31/12	PKT 11	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	56.662.392	
				635		56.662.392
			Cộng phát sinh		5.542.600.000	5.542.600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Trích sổ nhật kí chung 635

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ : Số 103 Phan Bội Châu , Phường Phan Bội Châu, (Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
 Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản : Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị : Đồng

SH	NT	Diễn giải	TKĐƯ	Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
UNC 06	05/10	Chi trả tiền lãi vay cho ngân hàng BIDV	112	972.222	
.....
UNC 10	25/10	Chi trả tiền lãi vay cho ngân hàng BIDV	112	5.527.778	
.....
UNC 14	26/10	Chi trả tiền lãi vay cho ngân hàng Vietcombank	112	4.055.556	
.....
PKT 12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		56.662.392
		Cộng số phát sinh		56.662.392	56.662.392
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên,đóng dấu)

Biểu số 2.19 : Trích sổ cái 635

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả, kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh kế toán sử dụng tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”. Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511, TK632, TK642, TK515, TK711, TK811, TK421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu ,Phường Phan Bội Châu , Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng .

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 07

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	1.571.200.000
	Cộng			1.571.200.000

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2. 20 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu ,Phường Phan Bội Châu , Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng .

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 08

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	49.452.395
	Cộng			49.452.395

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2. 21 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu ,Phường Phan Bội Châu , Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng .

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 09

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển giá vốn bán hàng	911	632	602.000.000
	Cộng			602.000.000

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2. 22 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu, Phường Phan Bội Châu , TP HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 10

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	409.449.218
	Cộng			409.449.218

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23: Trích phiếu kế toán

Biểu số 2.24 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu ,Phường Phan Bội Châu , Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng .

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 11

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	56.662.392
	Cộng			56.662.392

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán thực hiện tính kết quả lãi lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh của công

$$\begin{aligned} \text{Kết quả kinh doanh} &= (1.571.200.000 + 49.452.395 - 56.662.392 \\ &\quad - 602.000.000 - 409.449.218) \\ &= \quad \quad \quad \mathbf{552.540.785} \end{aligned}$$

Từ kết quả kinh doanh = **552.540.785** > 0 cho ta thấy Lãi

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp T10 : **552.540.785 * 20% = 110.508.157**

- Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp :

Nợ TK 821: 110.508.157

Có TK 3334: 110.508.157

- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK911 :

Nợ TK 911: 110.508.157

Có TK 821: 110.508.157

- Kết chuyển lãi

Nợ TK 911: 442.032.628

Có TK 421: 442.032.628

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số S03a-DNN

**Địa chỉ : Số103 Phan Bội Châu , Phường Phan Bội Châu,
Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng**

*(Ban hành theo QĐ soos48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT 07	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	1.571.200.000	
			911		1.571.200.000
PKT 08	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	49.452.395	
			911		49.452.395
PKT 11	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	56.662.392	
			635		56.662.392
PKT 09	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	602.000.000	
			632		602.000.000
PKT 10	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	409.449.218	
			642		409.449.218
		Tổng cộng		5.542.600.000	5.542.600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

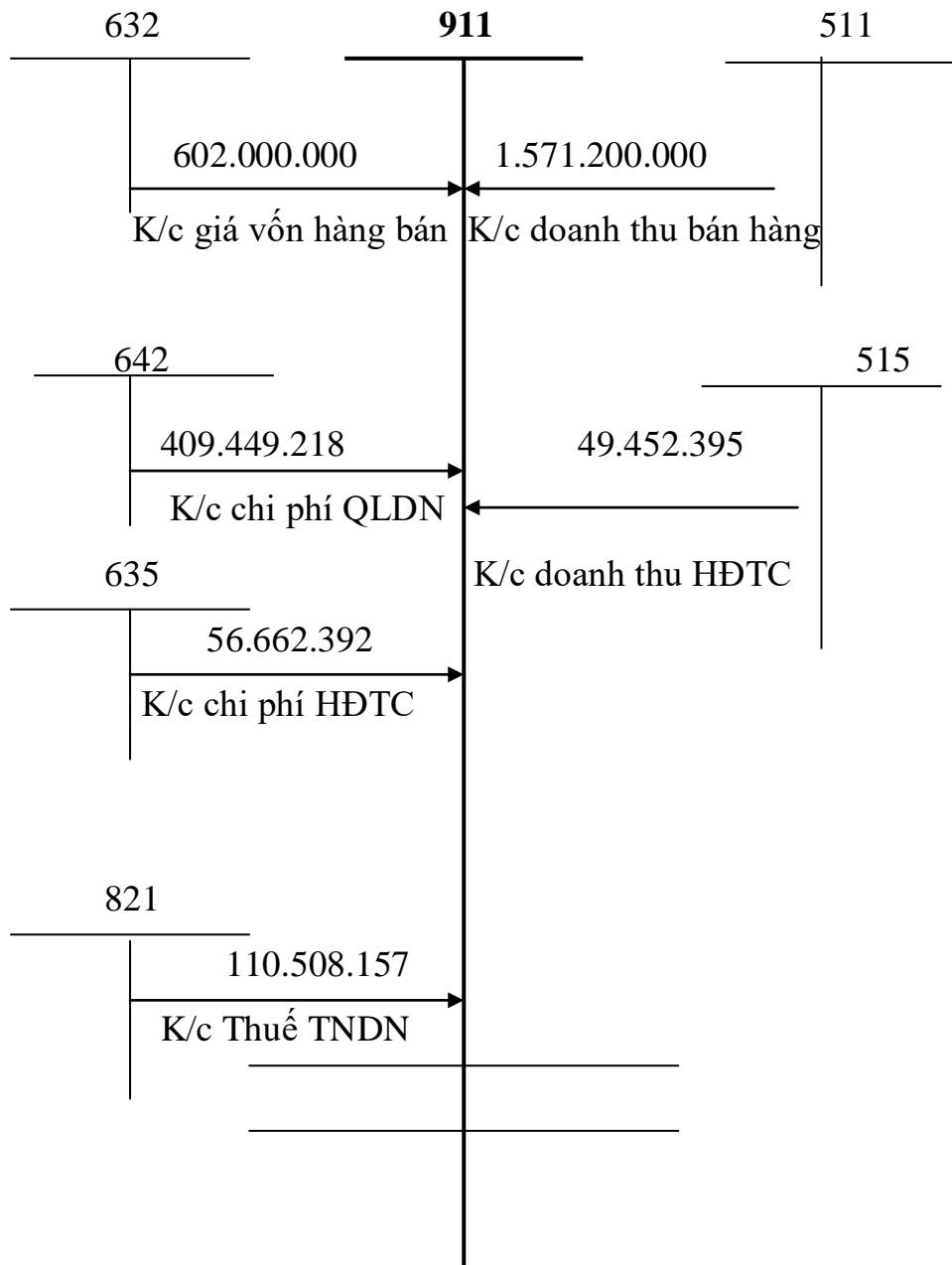
Giám đốc

(ký tên, họ tên)

(ký tên, họ tên)

(ký tên , họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.25 : Trích sổ nhật kí chung



Sơ đồ xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu , Phường Phan Bội Châu, TP.HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 12

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Chi phí thuế TNDN	821	3334	110.508.157
	Cộng			

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2. 26: Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Địa chỉ: Số 103 Phan Bội Châu , Phường Phan Bội Châu , TP HP

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 13

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	110.508.157
	Cộng			

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Địa chỉ: Số 103 Phường Phan Bội Châu , Quận Hồng Bàng , TP HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 14

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển lãi	911	421	442.032.628
	Cộng			

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ : Số 103 Phan Bội Châu , Phường Phan Bội Châu,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC

Quận Hồng Bàng , TP Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2016

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
PKT 07	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cc dịch vụ	511		1.571.200.000
PKT08	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		49.452.395
PKT09	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	602.000.000	
PKT11	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	56.662.392	
PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	409.449.218	
PKT 13	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	110.508.157	
PKT 14	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	442.032.628	
		Cộng số phát sinh		1.620.642.395	1.620.642.395
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 thán12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên,đóng dấu)

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HIỂN HÒA



3.1. Nhận xét chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiển Hoà.

Trong những năm vừa qua, công ty TNHH Hiển Hoà đã trải qua những giai đoạn thuận lợi và khó khăn, những bước thăng trầm và nhiều biến động của thị trường. Tuy nhiên công ty vẫn gặt hái được nhiều thành tích to lớn, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa. Doanh thu về tiêu thụ tăng đều qua các năm.

Có được những thành tích như trên, công ty đã không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ, khai thác triệt để các vùng thị trường tiềm năng, đồng thời có các biện pháp thỏa đáng đối với các khách hàng quen thuộc nhằm tạo ra sự gắn bó hơn nữa để tạo ra nguồn cung cấp hàng hóa dồi dào và một thị trường tiêu thụ hàng hóa luôn ổn định. Ngoài ra, để có thể đạt được kết quả như trên phải có sự cố gắng nỗ lực không ngừng của tất cả các thành viên của công ty, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của phòng tài chính kế toán. Với cách bố trí công việc khoa học hợp lý như hiện nay, công tác kế toán nói chung và công tác tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ hàng hóa của công ty TNHH Hiển Hoà đã đi vào nề nếp và đã được những kết quả nhất định

3.1.1. Những ưu điểm

a) Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty .

Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Là một công ty có quy mô nhỏ, chủ yếu hoạt động kinh doanh dịch vụ, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán sẽ đảm nhiệm chức năng, nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi người.

Về nhân sự, bộ phận kế toán có ba người gồm một kế toán trưởng và một kế toán viên cùng một thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty.

Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “ Nhật kí chung” là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán và còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Về chứng từ kế toán sử dụng

- + Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế và cơ sở pháp lý của nghiệp vụ
- + Các chứng từ đều được sử dụng đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, những thông tin kinh tế về nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ
- + Các chứng từ đều được kiểm tra giám sát chặt chẽ, hoàn chỉnh và xử lý kịp thời
- + Công ty có kế hoạch lưu chuyển chứng từ tương đối tốt, các chứng từ được phân loại, hệ thống hóa theo các nghiệp vụ, trình tự thời gian trước khi đi vào lưu trữ.

Về sổ sách kế toán sử dụng

- + Công ty đã áp dụng đầy đủ chế độ tài chính, kế toán của bộ tài chính ban hành. Để phù hợp với tình hình và đặc điểm của công ty, kế toán đã mở các tài khoản cấp 2 nhằm phản ánh một cách chi tiết, cụ thể hơn tình hình biến động của các loại tài sản của công ty và giúp cho kế toán thuận tiện hơn cho việc ghi chép một cách đơn giản, rõ ràng và mang tính thuyết phục, giảm nhẹ được phần nào khối lượng công việc kế toán, tránh được sự chông chéo trong công việc ghi chép kế toán.
- + Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hợp lý, vì công ty kinh doanh nhiều chủng loại hàng hóa khác nhau, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan nhiều đến hàng hóa, do đó không thể định kỳ mới kiểm tra hạch toán được.

Nói tóm lại, tổ chức hạch toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ là nội dung quan trọng trong công tác kế toán hàng hóa của công ty. Nó liên quan

đến các khoản thu nhập thực tế và nộp cho ngân sách nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động

Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ *Về công tác tổ chức kế toán doanh thu:*

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh để từ đó có kế hoạch

đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ *Về công tác kế toán chi phí:*

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn tìm cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình của công ty

3.1.2. Một số mặt hạn chế

Bên cạnh những kết quả trong công tác tổ chức kế toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ mà kế toán công ty đã đạt được, còn có những tồn tại mà công ty có khả năng cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt hơn nữa những yêu cầu trong công tác quản lý của công ty.

Mặc dù về cơ bản, Công ty đã tổ chức tốt việc hạch toán trong tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ nhưng vẫn còn một số nhược điểm sau:

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

+ Với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng

+ Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

Về tài khoản sử dụng

Công ty phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho toàn bộ hàng tiêu thụ vào cuối mỗi tháng, tuy nhiên không phân bổ chi phí này cho từng mặt hàng tiêu thụ, vì vậy không xác định chính xác được kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng để từ đó có kế hoạch kinh doanh phù hợp

Về công tác bán hàng

Đối với việc bán hàng của công ty vẫn gộp chung các mặt hàng với nhau, không ghi riêng từng sản phẩm. Như vậy sẽ khó quản lý hàng hóa cụ thể.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiền Hòa

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của công ty vì nó có vai trò rất quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, hiệu quả hay không hiệu quả. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ, lãnh đạo điều chỉnh hoạt động kinh doanh của mình, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2 Yêu cầu của việc hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau :

- + Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính , tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lí tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.
- + Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời , chính xác phù hợp với yêu cầu quản lí.
- + Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- + Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em xin được nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Ý kiến 1:

Công ty nên tiến hành mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 511 cho từng loại sản phẩm, hàng hóa để có thể xác định được lợi nhuận cụ thể cho từng mặt hàng, giúp cung cấp thông tin chính xác cho ban quản trị có thể đưa ra chính sách hợp lý, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ sản phẩm, làm tăng thu nhập trong kỳ.

Ví dụ minh họa : Tiếp tục ví dụ chương 2 trang 46

Đơn vị : Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số S02 A – DN

Địa chỉ : 103 Phan Bội Châu – HB - HP

(Ban hành theo QĐ số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 19/04/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Tên sản phẩm : Máy tính xách tay

Năm 2016

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
SH	NT			SI	ĐG	TT	
.....
HĐGTGT 0000284	15/10	Xuất bán cho cty XM Thăng Long	131	04	18.000.000	72.000.000	
.....
		Cộng phát sinh		215		571.000.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH Hiền Hòa

Mẫu số S02 A - DN

Địa chỉ : 103 Phan Bội Châu - HB - HP

(Ban hành theo QĐ số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 19/04/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán máy tính xách tay

Năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn		
SH	NT			SI	ĐG	TT
....
PXK 07	15/10	Xuất bán máy tính xách tay	156	04	9.000.000	36.000.000
.....
		Cộng phát sinh		215		145.200.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Tác dụng của việc mở sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632: Giúp phân biệt được từng loại doanh thu, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được doanh thu của mặt hàng nào có hiệu quả hơn, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào và nên giảm doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào. Ban quản trị sẽ xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng loại.

Ý kiến 2: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy.

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

- + Phần mềm kế toán MISA
- + Phần mềm kế toán FAST ACCOUTING
- + Phần mềm kế toán SMART

Nhưng với công ty vừa và nhỏ lại đa dạng mặt hàng kinh doanh như Công ty TNHH Hiền Hòa thì em nghĩ công ty nên dùng phần mềm Misa.

Phần mềm kế toán Misa: Là giải pháp linh hoạt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và được áp dụng trong các trường hợp sau: Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại đơn giản, và mức độ quản lý không quá phức tạp, doanh nghiệp có yêu cầu quản trị cao hơn và mô hình hoạt động lớn ở mức tương đối, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực. Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu nhiều hóa đơn một phiếu chỉ một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành. Về điểm nổi trội của Misa là chức năng lưu và ghi sổ dữ liệu khá quan trọng, và công nghệ bảo mật dữ liệu cao vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL và tính chính xác trong việc xử lý số liệu tính toán cũng rất chính xác.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán MISA.MSE.2016



* Với quy mô của Công ty TNHH Hiền Hòa như hiện nay thì nên sử dụng Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 – đây là phần mềm kế toán mới được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng hơn so với phần mềm kế toán cũ. Em xin giới thiệu Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 mà công ty có thể sử dụng với nhiều tính năng dễ sử dụng và tiện lợi. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

- Cập nhật chế độ tài chính mới nhất.
- Đáp ứng 4 phương pháp tính giá thành cho Doanh nghiệp sản xuất: Giảm đơn, Hệ số, Tỷ lệ, Phân bước liên tục.
- Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN.

- Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.
- Bổ sung phân hệ Thủ quỹ, Thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho.
- Phân hệ bán hàng cho phép người sử dụng theo dõi, hạch toán và quản lý các chứng từ liên quan đến bán hàng, thành phẩm, dịch vụ. Chức năng sổ chi tiết bán hàng cũng rất hữu ích, tiện lợi cho phép người dùng xem được tất cả các sổ chi tiết của từng mặt hàng từ đó việc quản lý các mặt hàng dễ dàng hơn.
- Về phân hệ kho giúp người dùng khai báo danh mục kho vật tư hàng hóa, CCDC tại doanh nghiệp để theo dõi quản lý vật tư hàng hóa, CCDC theo từng kho.
- Dự báo dòng tiền trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập liệu nhanh gấp 3 lần.

Ý kiến 3: Cập nhật những điểm mới của thông tư 133 trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Ngày 26 tháng 8 năm 2016, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 133/TTBTC, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (thay thế Quyết định 48/2006/BTC ban hành ngày 14/09/2006) có hiệu lực từ 01/01/2017.

Về tài khoản :

- Bỏ tài khoản 521- “các khoản giảm trừ doanh thu”
thay vào đó là tài khoản 511- “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Bỏ tài khoản 641- “chi phí bán hàng”
thay vào đó là tài khoản 642- “chi phí quản lý doanh nghiệp”

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiền Hòa” đã giải quyết một số vấn đề sau:

Về mặt lý luận:

- Đưa ra được những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp theo Quyết định 48/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Đưa ra được những lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá khái quát được tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tiễn:

- Đề tài đã phản ánh thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiền Hòa.
- Đề tài đã đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. - Đề tài đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiền Hòa.

Do thời gian thực tập có hạn, vốn kiến thức khoa học còn hạn hẹp, nên bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của các thầy cô, ban giám đốc cùng các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của ThS. Phạm Thị Nga, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán ở phòng kế toán tại Công ty TNHH Hiền Hòa đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày..... tháng..... năm 2018

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS. Võ Văn Công.
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS. Võ Văn Nhị.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
5. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
6. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS. Nghiêm Văn Lợi.
7. Kế toán thương mại và dịch vụ - PGS.TS Ngô Thế Chi.
8. Tài liệu tham khảo tại phòng kế toán Công ty TNHH Hiền Hòa.